

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 34

Phần ba: Từ “Phật tử, thử Bồ-tát dĩ Đại Bi...” trở xuống là trong phần An trú vào Địa, có ba: 1- Tổng quát trình bày về an trú; 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về an trú; 3- Từ “Phật tử, Bồ-tát dĩ thành tựu...” trở xuống là tổng quát kết luận về an trú.

Phần 1: Văn có ba câu:

Một- Đại Bi làm đầu là nhân của an trú, những công hạnh của Bồ-tát đều vì chúng sinh. Bi làm căn bản của hạnh, cho nên nói là đứng đầu.

Hai- Chí nguyện rộng lớn không có gì có thể làm trở ngại-hủy hoại, là quán sát về an trú. Luận nói: Phiền não-Tiểu thừa không thể nào làm cho hủy hoại sự quán sát này, nghĩa là tâm sâu xa hợp với Lý là to lớn, cho nên phiền não không thể nào làm cho hủy hoại; tâm Bi hóa độ tất cả chúng sinh là rộng khắp, cho nên Tiểu thừa không thể nào làm cho hủy hoại.

Ba- Lại càng chịu khó tu tập tất cả thiện căn mà được thành tựu, là hành của an trú. Câu này hướng về câu một là Trí dẫn dắt Bi, hướng về câu hai là Hạnh bổ sung cho Nguyện. Thiện căn đã tu tập này, tức là biểu hiện rõ ràng ở ba mươi câu sau.

Phần 2: Là riêng biệt hiển bày về an trú, tức là hiển bày về chịu khó tu tập tất cả thiện căn ở câu thứ ba trước đây. Vì sao chịu khó tu tập? Ở đây có ba mươi câu, hiển bày về ba loại thành tựu: a- Thành tựu về Tín tâm; b- Thành tựu về Tu hành; c- Thành tựu về Hồi hướng.

Tín là bắt đầu của Hạnh, tiếp là dựa vào Tín để khởi Hạnh, sau là Hồi hướng Hạnh mà thành tựu đức, lấy làm thứ tự của Hạnh tu tập.

Phần a- Thành tựu về Tín tâm, có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát nói: Tín tăng thượng, là tùy theo tất cả sự việc, nghĩa

là cảnh về Thánh Đấng-Tam Bảo... nêu ra ở sau, quyết định tin sâu xa gọi là Tăng thượng.

Trong riêng biệt có chín câu: Sáu câu trước là bắt đầu phát khởi Tín tâm, ba câu sau là Tín tăng thêm thành Dục (mong muốn).

Trong sáu câu trước: Hai câu đầu là Tự lợi, bốn câu sau là Lợi tha.

Trong hai câu về Tự lợi: 1- Tín về cung kính tăng thượng, nghĩa là Tín đầy đủ về Tam Bảo, gọi là niềm tin rất thanh tịnh. 2- Tín về thanh tịnh tăng thượng, bởi vì tự mình chứng được hiểu biết về Trí thanh tịnh chân thật. Hai câu trên đều nói thanh tịnh, là tánh của Tín.

Trong bốn câu về Lợi tha: 3- Tín về quyết định tăng thượng phân biệt, bởi vì khiến cho người khác chứng được Trí thanh tịnh, tức là hạnh Lợi tha. 4- Bi; 5- Từ; 6- Không hề mệt mỏi chán nản. Ba loại tăng thượng này đều là tâm Lợi tha, Từ-Bi là trình bày về tâm rộng lớn, không hề chán nản là trình bày về tâm không thay đổi.

Trong ba câu sau: 7- Tín về hổ thẹn tăng thượng, là Thử của hạnh đã thành tựu, nghĩa là có hổ thẹn cho nên đối trị các che lấp như keo kiệt..., không tham đắm thế gian cho nên thành tựu các Độ như bố thí... 8- Tín về hài hòa mềm mỏng tăng thượng, là có được những người bạn đối với pháp giống nhau, cho nên không làm phiền muộn hỗn loạn. 9- Tín về cung kính giáo pháp tăng thượng, bởi vì đối với pháp đã tiến vào càng thêm tin tưởng cung kính.

Phần b- Từ “Nhật dạ...” trở xuống là trong Thành tựu về Tu hành, có chín câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát nói: Không hề thỏa mãn, tức là tu tập không gián đoạn.

Riêng biệt có tám câu về tích tập: Bảy câu trước là Hạnh thuộc Giáo, một câu sau là Hạnh thuộc Chứng.

Trong bảy câu trước: Hai câu đầu là phương tiện thâm nhiếp pháp: 1- Tích tập về thân cận, bởi vì gần gũi Thiện hữu là ý thuộc về không quên các pháp. 2- Tích tập về pháp ưa thích, luận theo nghĩa giải thích về tâm Hỷ-Lạc vốn ở trong phần hỏi-đáp. Năm câu sau là tu hành theo thứ tự, trong đó ba câu trước là hạnh của Nội quán thuận với Lý: 3- Tích tập về Đa văn, đây tức là Văn tuệ. 4- Tích tập về Chánh quán, tức là Tư tuệ. 5- Tích tập về không tham trước, tức là Tu tuệ, bởi vì ở trong Tam-muội không có nương tựa tham trước. Hai câu sau là hạnh tùy duyên lìa xa tham trước: 6- Tích tập về không tham lam, là hạnh biết vừa đủ, bởi vì đã đạt được không tham lam. 7- Tích tập về không mong cầu, là hạnh

ít ham muốn, bởi vì chưa đạt được không mong cầu.

Một câu sau là Hạnh thuộc Chứng: 8-Tích tập về tâm như vật báu, tức là Chứng được Hạnh tròn vẹn sáng ngời, cho nên luôn luôn hiện rõ trước mắt.

Vả lại, khó đạt được thế lực không có cấu nhiễm, trang nghiêm thù thắng mà không thay đổi tâm Chứng. Bởi vì cùng đầy đủ sáu nghĩa này, cho nên trên đây hoàn toàn dựa vào Luận để giải thích.

Tích tập ở câu thứ 6-thứ 7 lại có một lý, nghĩa là: Ở câu thứ 6 thì tâm là tu hạnh xa lìa, tu tâm đối trị mà lìa xa ba lỗi lầm. Những người thuyết pháp có ba loại lỗi lầm: Một- Tham trước lợi dưỡng mà mong cầu bốn sự cúng dường, ít ham muốn-biết vừa đủ thì có thể đối trị lỗi lầm ấy; Hai- Có được danh tiếng mà cho là hơn người, Định-Tuệ-Chánh Niệm thì có thể đối trị lỗi lầm ấy; Ba- Bởi vì người ta phụ thuộc mà vượt qua sự yêu quý cung kính, tinh tiến xa lìa thì có thể đối trị lỗi lầm ấy. Có thể đối trị trong này chính là sự thức tỉnh của bậc Đại Nhân. Trong câu thứ 7 là quán sát lỗi lầm mà tu về tám loại bất tịnh, là nói về tiền của vật dụng sinh hoạt, tất cả không mong cầu cho nên thấy là bất tịnh. Câu này dựa vào Luận giải thích thì mở rộng và giới hạn có khác nhau.

Phần c- Từ “Cầu Nhất thiết trí...” trở xuống là Thành tựu về Hồi hướng, nghĩa là cầu Nhất thiết trí chính là Hồi hướng Bồ-đề, có mười hai câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát, tức là sự việc đã mong cầu gọi đó là nhà, bởi vì Nhất thiết trí Địa là nơi mong cầu.

Riêng biệt, tức là nhân của sự việc có thể mong cầu, có mười một mong cầu: Một loại đầu hiển bày quán sát về sự việc có thể mong cầu, gọi là dựa vào gia tộc, bởi vì ở trong gia tộc trước đây, phân biệt quán sát đầy đủ về mười Lực-Vô úy... Mười loại còn lại là Hạnh có thể mong cầu, cùng với tổng quát cũng có ba mong cầu.

Ở trong Hạnh mong cầu, lại phân ra tổng quát và riêng biệt.

Tổng quát gọi là mong cầu không có chướng ngại, nghĩa là mong cầu các Độ, không hề tham trước đối với pháp, cho nên có thể trừ bỏ chướng ngại che lấp. Chín câu sau là riêng biệt, bởi vì riêng biệt đối trị các chướng.

Hai câu đầu là đối trị hai loại cấu nhiễm trong Bồ thí:

1- Mong cầu lìa xa, đối trị về nịnh hót quanh co, bởi vì thấy người cầu xin thì giả vờ đưa ra phương tiện, mà luôn luôn không có tâm giúp cho.

2- Mong cầu có thể thực hành như lời nói, đối trị về không thuận

theo lời nói trước, bởi vì hứa mà không cho, hoặc là hứa thì nhiều và tốt đẹp mà cho thì ít và xấu kém. Lại câu trước là nịnh hót, câu sau thì chính là đối gạt.

3- Mong cầu bảo vệ, đối trị một loại cấu nhiễm về Giới, nghĩa là không bảo vệ lời nói chân thật, làm trái những điều đã thọ nhận trước đây, phạm vào rồi mà che giấu.

4- Mong cầu không cấu ố, đối trị một loại cấu ố về Nhẫn, nghĩa là nghiệp làm náo loạn người khác, là làm bản ngôi nhà lợi ích của Như Lai.

5- Mong cầu không rời bỏ, đối trị một loại cấu ố về Tinh tiến, nghĩa là giới pháp của Bồ-tát vô lượng mà không thể giữ gìn đầy đủ, kiếp số lâu xa mà không thể thường xuyên giữ gìn, giới pháp vô cùng vi diệu khó giữ gìn-khó thực hành mà không thể khéo léo giữ gìn thì sinh tâm thối chuyển. Căn bản không rời bỏ Bồ-tát giới mà có thể giữ gìn đầy đủ, không rời bỏ Luật nghi mà có thể giữ gìn pháp khó giữ gìn, không rời bỏ ba Tụ mà có thể thực hành pháp khó thực hành. Tinh tiến thúc đẩy vạn hạnh, mà chỉ dựa vào giới để phân rõ, bởi vì có ba nghĩa: Một-Bởi vì Giới là đầu tiên của ba Học; hai-Bởi vì Giới đầy đủ ba Tụ; ba-Bởi vì Giới bao gồm Sự-Lý, khó thực hành mà dễ thất bại, cho nên nương vào Giới mà thúc đẩy.

6- Mong cầu không lay động, đối trị hai loại cấu nhiễm về Thiên: Một-Tâm hỗn loạn dựa vào bên ngoài, vững vàng như núi để đối trị. Hai-Không thể nào điều phục nhớ nghĩ phân biệt, dùng tâm Nhất thiết trí để đối trị.

Ba câu sau là đối trị ba loại cấu nhiễm về Bát-nhã, tức là ba chương ngại của Đạo:

7- Mong cầu không rời bỏ thành tựu, đối trị cấu nhiễm về chương ngại không trú vào đạo, nghĩa là không có phương tiện khéo léo mà luôn luôn hướng về Niết-bàn, hiện tại không rời bỏ thế gian để đối trị; luôn luôn hướng về thế gian, hiện tại thành tựu xuất thế gian để đối trị. Thành tựu về không trú vào đạo, khác với phàm phu-Tiểu thừa.

8- Mong cầu tích tập, đối trị cấu nhiễm về chương ngại Trạo đạo.

9- Mong cầu thường xuyên mong cầu, đối trị cấu nhiễm về chương ngại Chứng đạo, ở trong pháp vi diệu thù thắng tối thượng đã Chứng, mà nguyện cầu cho tâm nhẹ nhàng.

Trên đây là phần Thành tựu về Hồi hướng, xong.

Phần 3: Là tổng quát kết luận: Ba mươi câu trên mở rộng về chịu khó thực hành đầy đủ, thành tựu về hạnh chịu khó thực hành này có

bốn: 1- Tín; 2- Dục; 3- Tinh tiến; 4- Phương tiện. Tín là quyết định hẳn nại để tiếp nhận. Dục là mong cầu hưởng đến Hạnh ấy. Trong mười câu đầu: Bảy câu trước là Tín, ba câu sau là Dục. Mười câu tiếp là Tinh tiến, hưởng về Hạnh để thành tựu tu tập. Mười câu sau là Phương tiện, bởi vì Hạnh mà thành tựu mong cầu khéo léo. Đây gọi là An trú trong phần Thuyết giảng của Địa này, cho nên nói: Thành tựu về pháp của Địa đối trị thanh tịnh như vậy, gọi là an trú.

Trên đây dựa vào Luận phân rõ, lại có Lý riêng: Niềm tin rất thanh tịnh trên đây, đã có thể vĩnh viễn đoạn trừ chướng ngại về không tin của hạng Xiển-đề. Phát sinh thương xót-tôn trọng giáo pháp..., cũng có thể vĩnh viễn đoạn trừ chướng ngại về tham trước Ngã của phàm phu. Ngày đêm chịu khó tu tập không hề mệt mỏi chán nản, cũng có thể vĩnh viễn đoạn trừ chướng ngại về sợ khổ của Thanh văn. Mong cầu Nhất thiết trí, cho đến thường xuyên mong cầu Đạo thù thắng tối thượng, cũng có thể vĩnh viễn đoạn trừ chướng ngại về rời bỏ tâm Bi của Duyên giác, cho nên nói là pháp của Địa đối trị thanh tịnh. Phần an trú vào Địa, xong.

Phần sau là phần So sánh về thù thắng, nghĩa là trú trong Địa này vốn hơn hẳn Nhị thừa. Luận phát sinh đã nói: Trú trong Địa này hơn hẳn, thì biết rõ ràng về Nguyên... đã có ở phần bắt đầu trú vào Địa, nhưng văn sắp xếp không liên tục, cho nên ở sau phần An trú, chứ không phải là Địa đầy đủ mới có Nguyên.

Hỏi: Kinh nói mới phát tâm đã làm thầy của trời-người, cho nên thù thắng vượt khỏi Thanh văn và Duyên giác, Sa-di phát tâm thì La-hán tôn kính, vì sao đến phần này mới phân rõ về thù thắng? Đáp: Nhưng nghĩa về thù thắng ấy lại có rất nhiều, thu nhận tất cả thì không ra ngoài ba loại, đó là Nguyên-Hạnh và Trí. Ba loại này trải qua các phần vị cho nên có rất nhiều. Sơ lược trình bày về mười phần vị:

1- Thù thắng thuộc về Sơ phát tâm, bao gồm tất cả phàm phu, như Sa-di phát tâm...; đây là bao gồm ba tâm.

2- Thù thắng thuộc về Tín, cũng bao gồm ba tâm.

3- Thù thắng thuộc về Giải.

4- Thù thắng thuộc về Hạnh.

5- Thù thắng thuộc về Hiện. Ba loại này tức là Tam Hiền riêng biệt trải qua ba tâm.

6- Thù thắng thuộc về Chứng nhập, cùng chứng ba tâm-cùng chứng hai Không, đây là thù thắng thuộc về Trí. Phát khởi mười Đại nguyện, tức là thù thắng thuộc về Nguyên. Tu tập đầy đủ các Hạnh, tức

là thù thắng thuộc về Hạnh. Phần sau phân rõ thù thắng thuộc về Quả cũng là Quả của ba tâm. Trong này, Hạnh và Trí do Nguyên dẫn dắt, cho nên thù thắng nhất. Dựa vào môn Hành bố mà nói, Địa thứ bảy trở lên thì Trí mới tự nhiên thù thắng. Văn sau Kinh nói: “Từ Địa thứ nhất trở đi, thì Trí ấy đều vượt lên trên, nhưng bởi vì nguyện cầu về pháp của chư Phật, cho nên không phải là Lực quán sát của Tự Trí.” Nay ở Địa thứ bảy này vốn là Lực của Tự Trí, cho nên tất cả Nhị thừa vốn không thể nào đạt tới được. Luận chủ thiết lập về Nguyên để so sánh thù thắng, dựa vào văn này để trình bày, tuy Giới-Định-Đạo phẩm... trải qua các Địa, mỗi một Địa đều thù thắng vượt lên trên, mà cũng không ra ngoài ba tâm.

7- Từ Địa thứ bảy trở đi, gọi là thù thắng thuộc về Quyền-Thật của Tự Trí.

8- Thù thắng thuộc về khởi Hạnh không có công dụng.

9- Thù thắng thuộc về Thượng đẳng của chư Phật.

10- Thù thắng thuộc về Cứu cánh, đó gọi là đầy đủ quả thuộc ba tâm của chư Phật.

Nay ở đây chính thức trình bày về thù thắng của Nguyên-Hạnh. Văn phân làm ba: Một-Thù thắng của Nguyên, nghĩa là nêu lên chí nguyện xa rộng; hai-Thù thắng của Hạnh tu tập, dựa vào Nguyên mà thành tựu tu tập; ba-Thù thắng của lợi ích thuộc về Quả, tức là thành tựu về Hạnh của phần vị.

Phần một: Thù thắng của Nguyên: Bởi vì hai nghĩa cho nên hơn hẳn Nhị thừa: 1-Bởi vì thường xuyên chịu khó tu tập vô lượng Hạnh; 2-Bởi vì cùng thực hành với tất cả chúng sinh, cùng thực hành tức là mười câu về Vô tận.

Giải thích về thù thắng của Nguyên này, trước là dùng năm môn để phân biệt: 1- Danh Thể; 2- Tu chứng; 3- Hành vị; 4- Nhân quả; 5- Lập ý viên dung. Năm môn đều có hai nghĩa thì có mười môn.

Trong môn 1- Danh Thể: Trước là Danh, sau là Thể.

Trong phần trước là Danh: a- Tổng quát; b- Riêng biệt.

Tổng quát nói: Nguyên, chính là nghĩa về mong cầu. Văn sau của Luận nói: Phát khởi các Đại nguyện, chính là nghĩa tùy theo tâm mong cầu. Nhưng nói là Đại, văn sau của Luận nói: Ánh sáng của thiện căn chuyển sang thù thắng tăng thêm rộng lớn, nghĩa là hai ánh sáng của Giáo-Chứng, cùng với thiện căn của Hạnh-Nguyên chuyển sang thù thắng so với Địa tiền, cho nên rộng khắp pháp giới. Trong mười Nguyên đều nói là rộng lớn như pháp giới.

Luận Du Già quyển thứ 45 nói: “Chánh Nguyện đã tu của Bồ-tát, tóm lược có năm loại: 1- Nguyện phát tâm; 2- Nguyện thọ sinh; 3- Nguyện thực hành; 4- Chánh Nguyện; 5- Đại Nguyện. Một là mong cầu Bồ-đề; hai là thâm nhiếp sinh về nơi chốn sinh ra; ba là suy nghĩ lựa chọn các pháp không có trái ngược, nguyện tu Vô lượng... đối với cảnh giới; bốn là Nguyện ở vị lai thâm nhiếp tiếp nhận tất cả pháp thiện của Bồ-tát, cho nên gọi là Chánh Nguyện. Đại Nguyện tức là thuận theo Chánh Nguyện mà phát sinh.” Ở đây lại có mười loại hoàn toàn giống với kinh này. Nay chọn ra khác với bốn loại trước, cho nên gọi là Đại Nguyện, bao gồm chọn lấy những Nguyện tùy thuộc. Ngay nơi hai Nguyện sau, phân tích riêng biệt về tướng của Đại, đến văn sẽ nhận biết.

Riêng biệt hiển bày về tên gọi. Luận Du Già quyển thứ 35 và các Nhiếp Luận đều có văn trình bày, cũng như văn sau tự giải thích ngay nơi Nguyện ấy. Nay tạm thời dựa vào Lương Nhiếp Luận sơ lược nêu ra: 1- Nguyện cúng dường; 2- Nguyện thọ trì; 3- Nguyện chuyển pháp luân; 4- Nguyện tu hạnh Tự lợi-Lợi tha; 5- Nguyện thành thực chúng sinh; 6- Nguyện thừa sự; 7- Nguyện thanh tịnh quốc độ; 8- Nguyện không lìa xa; 9- Nguyện làm lợi ích; 10- Nguyện thành tựu Chánh giác.

Phần sau là Thể tánh: Khắc tánh là dùng ba loại Dục-Thắng giải-Tín để làm tự tánh. Nếu chọn lấy Bi-Trí dẫn dắt nhau làm chỗ dựa, thì Hậu đắc trí dùng làm Thể của Nguyện. Nếu cùng với quyển thuộc, thì mỗi một Nguyện đều dùng tất cả công đức đi cùng với Hạnh làm tánh. Vì vậy Luận nói: Ánh sáng của thiện căn, ánh sáng tức là Hậu đắc trí, thiện căn tức là Tín... và Hạnh.

Môn 2- Tu chứng, có hai: Trước là dựa theo tu hành, bảy Nguyện đầu là bắt đầu tu tập, hai Nguyện tiếp là tu tập thành thực, một Nguyện sau là tu tập thành tựu đạt được quả. Sau là dựa theo Chứng, Địa tiền đã phát khởi, nay cùng Chứng mười Nguyện này.

Môn 3- Hành vị, có hai: Trước là dựa theo Hạnh: Hai- Nguyện đầu là Tự lợi, năm Nguyện tiếp là Lợi tha: Ba- Dùng thân nào? Nói là Nhiếp pháp làm Thượng thủ, mà làm thân chuyển pháp của Lợi tha. Bốn- Dùng tâm nào? Nói là ngay nơi tâm khiến cho người khác tu hành. Năm- Chúng sinh nơi nào? Sáu- Trú xứ của chúng sinh. Bảy- Tự thân trú vào nơi nào có thể giáo hóa chúng sinh? Ba Nguyện trên có thể biết. Ba Nguyện sau không nhất định: Tám- Đầy đủ Tự lợi. Chín- Đầy đủ Lợi tha. Mười- Đạt được quả của Tự lợi-Lợi tha, hoặc đều là Tự lợi. Luận nói: Ba Nguyện sau hiển bày về tự thân, hoặc đều là Lợi tha. Luận nói:

Ba Nguyên này vốn là thị hiện giáo hóa chúng sinh đúng như thật. Nếu dựa theo tổng quát mà nói thì mười Nguyên đều vốn là Tự lợi-Lợi tha. Luận nói: So sánh về thù thắng có hai: 1- Thực hành vô lượng hạnh, tức là Tự lợi; 2- Giống với chúng sinh, tức là Lợi tha. Sau là dựa theo phần vị: Tổng quát thì mười Nguyên đều là pháp đã đạt được của Địa thứ nhất. Riêng biệt thì bảy Nguyên trước trình bày về Hạnh, đã phân rõ như trên; ba Nguyên sau trình bày về phần vị. Văn sau của Luận nói: Một-Đạt được so sánh về thù thắng của Địa, từ Địa thứ nhất đến Địa thứ chín; Hai- Đạt được so sánh về thù thắng tận cùng của Bồ-tát Địa, tức là Địa thứ mười; Ba- Đạt được cứu cánh tận cùng của tất cả các Địa, tức là Như Lai Địa.

Môn 4- Nhân quả: Nếu dựa vào ngôn từ để hiển bày thì chín Nguyên trước là nhân của mong cầu, một Nguyên sau là quả của mong cầu. Nếu dựa theo thâm nhiếp đầy đủ, thì Nguyên thứ bảy cũng là quả của mong cầu bởi vì chính là quả thuộc Y báo, Nguyên thứ mười là quả thuộc Chánh báo, những Nguyên còn lại đều là nhân.

Môn 5- Lập ý viên dung, có hai:

Trước là lập ý, sở dĩ chỉ nói mười Nguyên, là bởi vì Hạnh và phần vị đã thâm nhiếp nhân quả của hai Lợi-hai Trang nghiêm, tất cả đều đầy đủ. Lại bởi vì biểu thị về Nguyên vô tận này, cho nên văn sau nói: Mỗi một Nguyên đều thâm nhiếp A-tăng-kỳ Nguyên, mà làm quyến thuộc. Nói về Viên dung, là bởi vì xứng tánh, trong một Nguyên đầy đủ tất cả Nguyên, ngay trong nhau-hòa vào nhau trùng trùng, như bình thường đã phân rõ. Sáu tướng Viên dung chính là ở văn này. Đã biết về Đại ý.

Tiếp là chính thức giải thích văn. Văn phân làm hai mục: Một-Chính thức hiển bày về mười Nguyên, làm sáng tỏ về tự mình chịu khó thực hành; hai-Trình bày mười câu về Tận (Tận cú) giống với chúng sinh.

Mục một, phân bốn: 1- Tổng quát nêu lên; 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt nêu ra; 3- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú Hoan Hỷ Địa...” trở xuống là tổng quát kết luận; 4- Từ “Dĩ thử thập Nguyên môn vi thủ...” trở xuống là trình bày về thâm nhiếp quyến thuộc.

Mục 1: Câu đầu trình bày về phần vị thành tựu Nguyên, là Hoan Hỷ Địa. Tiếp từ “Năng thành tựu...” trở xuống là chính thức trình bày tổng quát về Nguyên. Nói có thể thành tựu là bao gồm ba câu sau: Một- Bắt đầu khởi lên hạn kỳ quan trọng, nói Đại thế nguyện như vậy, là nghĩa tùy theo tâm mong cầu; Hai- Phương tiện để khởi Hạnh, nói Đại dũng mãnh như vậy, nghĩa là thành tựu trong mỗi một Nguyên

ấy, những phương tiện đã thực hiện đều dừng mãi; Ba- Nguyễn thỏa mãn-Hạnh thành tựu, nói Đại tác dụng như vậy, nghĩa là như Nguyễn cúng dường Phật thì có thể cúng dường. Phần còn lại dựa theo đây có thể biết.

Luận nói: Bồ-tát trú trong Địa này, từng bước tu tập trong thời gian dài mà khởi lên ba Hạnh này, chứ không phải là trong thời gian ngắn. Vì vậy biết rằng Nguyễn này cũng tức là Hạnh, cho nên gọi là Nguyễn Hạnh. Không giống như hạn kỳ quan trọng về Không-Hữu của phạm phu, vì vậy tổng quát nói là có thể thành tựu. Lấy tổng quát bao gồm riêng biệt thì mười Nguyễn đều có ba câu này.

Trong mục 2 là riêng biệt nêu ra, mười Nguyễn không giống nhau tức là mười đoạn. Trong mỗi một Nguyễn, vẫn đều có bốn tiết: Một-Bốn chữ tổng quát nêu lên khởi Nguyễn; Hai- Hiển bày về tướng thuộc hành của Nguyễn; Ba- Từ “Quảng đại...” trở xuống là làm sáng tỏ về công năng thuộc đức của Nguyễn; Bốn- Từ “Nhất thiết kiếp số...” trở xuống là trình bày về phạm vi giới hạn của Nguyễn.

Hai tiết một và tiết bốn thì vẫn nối thông mà nghĩa hạn chế, tiết hai là tướng của hành thì văn-nghĩa đều hạn chế, tiết ba là công năng thuộc đức thì văn-nghĩa đều nối thông, bởi vì mười Nguyễn không có gì sai khác.

Thứ nhất: Nguyễn cúng dường. Dựa theo Luận thì Nguyễn cúng dường Thầy và Pháp chủ là ruộng phước thù thắng. Ở đây thì cúng dường tất cả. Kinh thuận theo thù thắng cho nên chỉ nói cúng dường Phật. Trong văn thiếu tiết một là tổng quát nêu lên, bởi vì gần với Đại Nguyễn như vậy ở mục tổng quát nêu lên trước đây. Hai tiết hai-ba đều có ba nghĩa, bao gồm thành tựu về sáu Đại, hiển bày về nghĩa của Đại Nguyễn cúng dường thứ nhất.

Tiết một- Trong tướng thuộc hành của Nguyễn, có ba nghĩa về Đại:

1- Đại thuộc về Tâm, tức là trải qua phát sinh hiểu biết quyết định thanh tịnh rộng lớn, nghĩa là kính trọng tăng thượng sâu xa hợp với cảnh Phật, cho nên nói là rộng lớn; tin tưởng quyết định Hồi hướng Bồ-đề, cho nên gọi là hiểu biết quyết định thanh tịnh, hiểu biết thanh tịnh là nói về tin tưởng nhân quả. Trên đây là ý của Luận, hạn chế ở Nguyễn thứ nhất. Nếu dùng nghĩa mong cầu để nối thông, thì chín Nguyễn còn lại đều là Bồ-đề, bởi vì tin tưởng thanh tịnh rộng lớn không có giới hạn-không có nghi ngờ mà khởi Nguyễn.

2- Dùng tất cả vật dụng để cúng dường, tức là Đại thuộc về vật

dụng cúng dường, đây là duyên của hành.

3- Từ “Cung kính...” trở xuống là Đại thuộc về ruộng phước. Trong đó, khiến cho không có gì sót là tướng tổng quát.

Không có gì sót, có ba: a- Tất cả chư Phật không sót vị nào, tức là Cảnh của hành; b- Cúng dường tất cả không sót vị nào; c- Cung kính tất cả không sót vị nào. Hai nghĩa này là Thể của hành, do hai nghĩa trên mà thành tựu về ruộng cung kính (Kính điền) trên đây. Ba nghĩa trên đều nói là Tất cả, bởi vì Phật tức là ba thân, cũng bao gồm mười thân.

Cúng dường có ba: a- Cúng dường về lợi ích như y phục...; b- Cúng dường về cung kính như Hương...; c- Cúng dường về thực hành như Giới...

Cung kính cũng có ba: a- Cung kính chu cấp hầu hạ; b- Cung kính đón tiếp đưa tiễn; c- Cung kính tu tập thực hành, tức là cung kính thuận theo Phật.

Ba nghĩa trên đều có ba, là theo thời gian (Thụ) mà luận về Tất cả. Nếu theo không gian (Hoành) mà luận về Tất cả, thì Phật bao gồm mười phương vô tận... Hai loại còn lại dựa theo suy nghĩ.

Tiết hai, làm sáng tỏ về công năng thuộc đức của Nguyện. Nói về ba Đại: 1- Đại thuộc về thâm nhiếp công đức, như Kinh nói: Rộng lớn như pháp giới, bởi vì thù thắng trong tất cả các thiện căn còn lại. 2- Đại thuộc về nhân, tức là cứu cánh như hư không, bởi vì nhân của vô lượng quả yêu quý thuộc về Vô thường. 3- Đại thuộc về thời gian, tức là tận cùng thời gian vị lai, bởi vì đây là nhân đạt được quả Thường của Niết-bàn.

Tiết ba, trình bày về phạm vi giới hạn của Nguyện, văn của mười Nguyện thì giống nhau mà những việc làm khác nhau, vì vậy sự cúng dường này thuận theo thực hành đến tận cùng thời gian vị lai.

Thứ hai: Nguyện thọ trì, cũng gọi là Nguyện hộ pháp; luận Du Già cùng nói: “Nguyện nhiếp thọ phòng hộ.”

Trong tướng thuộc hành của Nguyện, văn có bốn câu, đều bao gồm Tự lợi-Lợi tha.

Nhưng nếu dựa theo chủ động tiếp nhận... mà nói, thì Thọ nghĩa là thọ lãnh, Nhiếp nghĩa là nhiếp thuộc, cho nên kinh Thắng Man nói: “Nhiếp thọ Chánh pháp.” Hộ nghĩa là phòng hộ, Trì tức là nhiệm trì, cho nên kinh Thắng Man nói: “Hộ trì Chánh pháp.”

Nếu dựa theo thụ động tiếp nhận, thì: 1- Giáo; 2- Quả; 3- Hạnh; 4- Lý. Mà nói là tiếp nhận..., thì văn tuy nêu lên lẫn nhau, mà nghĩa thật sự nối thông với nhau, cũng: 1- Giáo; 2- Chứng; 3- Nói về Hộ giáo mà

phân định là Hạnh, thì Luận về Kinh nói: Pháp giáo hóa của tất cả chư Phật thầy đều giữ gìn bảo vệ. Luận nói: Nghĩa là pháp tu hành, đối với lúc tu tập thực hành, bởi vì có các chướng nạn cho nên thâm nhiếp bảo vệ cứu giúp, tức là thâm nhiếp bảo vệ công hạnh của mình, cứu giúp đối với công hạnh của người khác.

Trên đây dựa theo Nguyên bắt đầu tu tập, gọi là thâm nhiếp tiếp nhận... Nếu dựa theo cuối cùng thành tựu, thì gọi là bốn thành tựu, cho nên trước đây tổng quát nói là Thành tựu Đại thế nguyện như vậy: 1- Thành tựu về Pháp luân không gián đoạn; 2- Thành tựu về Chứng Trí; 3- Thành tựu về Hạnh; 4- Thành tựu về tiến vào Lý.

Thứ ba: Nguyên chuyển pháp luân, cũng gọi là Nguyên về Nhiếp pháp làm Thượng thủ: Trước là thâm nhiếp, sau là chuyển pháp.

Trong tướng thuộc hành của Nguyên, có bốn: 1-Nơi chuyển pháp, tức là nơi chốn ứng hiện của Phật trong tất cả thế giới. 2-Từ “Tùng Đâu-suất...” trở xuống là thời gian chuyển pháp, nghĩa là lúc thị hiện tám tướng, nghĩa của tám tướng giải thích mở rộng ở phẩm Ly Thế Gian. 3-Từ “Giai tất...” trở xuống là phương tiện thâm nhiếp các pháp, trong đó: Trước là phương tiện tích tập công đức; sau từ “Vi chúng thượng thủ...” trở xuống là phương tiện tích tập Trí tuệ. Bởi vì hai loại này giúp cho pháp Bồ-đề, cho nên nói là phương tiện. 4-Từ “Ưu nhất thiết...” trở xuống là trình bày về chuyển pháp nhanh chóng rộng khắp.

Thứ tư: Nguyên tu hành Tự lợi-Lợi tha. Nếu dựa theo lợi ích thành tựu thì gọi là Tâm tăng trưởng. Luận thuận theo nghĩa này, cho nên trước nêu lên rằng: Đại nguyện thứ tư là tâm được tăng trưởng. Dùng những công hạnh như thế nào mà khiến cho tâm tăng trưởng? Tất cả Bồ-tát đã thực hành giáo hóa tất cả, khiến cho tiếp nhận thực hành mà tâm tăng trưởng. Trong văn cũng có bốn.

Trong tiết hai là tướng thuộc hành của Nguyên, phân hai: Đầu là trình bày về hành có thể tăng trưởng, sau là trình bày về tâm đã tăng trưởng.

Trong tiết đầu, phân bốn: a- Trình bày về tướng của hành, Luận gọi là Chủng chủng; b- Thể của hành; c- Nghiệp của hành; d- Phương tiện của hành. Dùng bốn loại này giáo hóa chúng sinh, khiến cho tiếp nhận thực hành.

Tiết a- Tướng của hành: Thế gian-xuất thế gian đều có nhiều loại khác nhau, cho nên gọi là đủ loại. Trong đó: Quảng đại vô lượng là hành của thế gian, ý trình bày về hành của Tục Trí, Quảng là từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ sáu, Đại là Địa thứ bảy, Vô lượng là từ Địa thứ

tám trở lên. Không hủy hoại-không xen tạp, là hành xuất thế gian, bởi vì Trí xuất thế gian quán sát về pháp bình đẳng Vô ngã, nghĩa là pháp hữu lậu của thế gian vốn không xen tạp; không hủy hoại là bởi vì sâu xa giống như Chân tánh.

Nếu như luận Du Già thì trong phần tổng quát nói Địa tiền gọi là Quảng, tuy thực hành tất cả nhưng chỉ có thể gọi là Quảng, bởi vì mỗi một hành, chứ không phải là Đại-Vô lượng; Địa thượng gọi là Đại, bởi vì mỗi một hành đều dùng tất cả các hành để thành tựu; Bất Động Địa trở lên mới gọi là Vô lượng, bởi vì trong tất cả các hành có đủ tất cả. Không hủy hoại, là đối với sáu Địa trước, đều có thể thành tựu một hành không thể phá hoại. Ý của Luận chủ là trình bày về Nguyên trong Địa này, cho nên không chọn lấy hành của Địa tiền, nghĩa không khác với trước.

Tiết b- Thể của hành: Thâu nhiếp các pháp Ba-la-mật, tức là Thể của hành, cho nên các tướng như Quảng-Đại... chỉ phân rõ ở nơi này.

Tiết c- Nghiệp của hành: Đối trị làm thanh tịnh các Địa, tức là Nghiệp của hành. Dùng hành thuộc mười Độ làm thanh tịnh những sự che lấp của mười Địa, giúp đỡ quán sát Chân Như làm thanh tịnh mười chướng.

Tiết d- Từ “Tổng tướng...” trở xuống là trình bày về Phương tiện của hành. Nhưng có hai loại: 1- Phương tiện thuộc về Tự hành, nghĩa là dùng sáu tướng viên dung khéo léo tích tập với nhau mà thành tựu, một đầy đủ tất cả nhưng không hủy hoại tướng, cho nên gọi là phương tiện. Nghĩa của sáu tướng mở rộng như ở chương riêng biệt, giải thích tóm lược như trước. 2- Từ “Giai như thật...” trở xuống tức là phương tiện thuộc về Hóa tha, bởi vì không trái với Thật đạo mà giáo hóa chúng sinh.

Tiết sau là trình bày về tâm đã tăng trưởng, tức là tâm đã tăng trưởng. Giáo hóa người khác tiếp nhận thực hành, khiến cho tâm của họ tăng trưởng. Giáo hóa người khác thành tựu chính mình, khiến cho tâm của mình tăng trưởng.

Thứ năm: Nguyên thành thực chúng sinh. Thành thực cũng gọi là giáo hóa.

Ngay trong tướng thuộc hành của Nguyên, văn phân hai tiết riêng biệt: 1- Trình bày về chúng sinh đã giáo hóa; 2- Từ “Giáo như thị đẳng...” trở xuống là làm sáng tỏ về giáo hóa qua những việc làm.

Tiết 1: Câu đầu là tổng quát; từ “Hữu sắc...” trở xuống là riêng biệt.

Trong riêng biệt có sáu loại sai biệt:

Một- Sai biệt về thô-tế, đây là trình bày về tướng của Báo, hai cõi dưới có Sắc là thô, cõi Vô sắc là tế. Ở trong cõi có Sắc, trời Hữu tướng là thô, trời Vô tướng là tế. Ngay trong cõi Vô sắc, Phi Hữu tướng là tế, đó là Không thứ tư; Phi Vô tướng là thô, đó là ba cõi trời phía dưới. Văn kinh này tóm lược. Luận về Kinh nói: Phi Vô tướng, Phi tướng-phi phi tướng, gọi Phi Vô tướng là thô, còn lại tức là tế.

Hai- Từ “Noãn sinh...” trở xuống là sai biệt về Sinh loại nương tựa, làm nơi nương tựa của Báo. Ba loại còn lại có thể nương tựa. Hóa sinh dựa vào đâu? Dựa vào nghiệp nhiễm mà sinh. Nhưng bốn Sinh loại thâm nhiếp toàn bộ sáu nẻo, mà nổi thông và hạn chế có khác nhau. Hóa sinh nổi thông với sáu nẻo, Thai sinh không nổi thông với địa ngục-chư Thiên, Thấp sinh-Noãn sinh chỉ hạn chế ở người và súc sinh. Lại bởi vì sáu nẻo không thâm nhiếp Hóa sinh thuộc Trung Hữu, cho nên rộng hẹp có khác nhau. Còn lại như Chương riêng biệt.

Ba- Do ba cõi mà hệ thuộc gọi là sai biệt về nơi chốn thanh tịnh-không thanh tịnh, cõi Dục là không thanh tịnh, hai cõi trên là thanh tịnh. Dựa vào quả để trình bày, cho nên gọi là nơi chốn; dựa vào nhân để giải thích, cho nên gọi là hệ thuộc.

Bốn- Tiến vào sáu nẻo là sai biệt về khổ-vui. Bởi vì nhận lấy đủ loại thân, cho nên cũng gọi là sai biệt về Thọ sinh. Theo tướng thô mà nói thì ba nẻo dữ là khổ, trên cõi trời là vui, loài người và A-tu-la bao gồm khổ-vui.

Năm- Tất cả nơi chốn sinh ra là sai biệt về Tự nghiệp. Đây là dùng nhân để giải thích về quả, bởi vì nghiệp khác nhau cho nên nơi chốn sinh ra không giống nhau, nghĩa là ở trong một nẻo có nhiều loại không giống nhau, như ở trong loài người thì có trung tâm-có biên địa, bởi vì gia đình sang-hèn khác nhau...

Sáu- Do Danh-Sắc mà thâm nhiếp là sai biệt về Tự Thể, có Thể chỉ riêng Danh, đó là cõi Vô sắc, bởi vì ở cõi ấy có Sắc mà không phải là quả của nghiệp; có Thể chỉ riêng Sắc, đó là như cõi trời Vô Tướng, bởi vì ở cõi ấy vốn có Tướng mà không thể nhận biết; có Thể đầy đủ Danh-Sắc, đó là trừ ra hai loại trước.

Trong tiết 2, là giáo hóa qua những việc làm: Câu đầu là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; từ “Linh nhập...” trở xuống là riêng biệt trình bày về những việc làm. Những việc làm có ba: Một- Vì người chưa tin tưởng tiến vào, thì khiến cho tin tưởng tiến vào pháp của Phật. Hai- Người đã tin tưởng tiến vào, thì khiến cho lìa xa pháp ác, làm nhân

của Niết-bàn; hướng về thế gian, đó là khổ của nghiệp và phiền não.
Ba- Khiến cho tu tập về đạo Bồ-đề, đạo bao gồm nhân-quả.

Thứ sáu: Nguyên thừa sự. Nguyên đi đến quốc độ của chư Phật, luôn luôn được thấy chư Phật, luôn luôn cung kính hầu hạ, lắng nghe-tiếp nhận. Vì vậy luận Du Già nói: “Nguyên thị hiện ở trong tất cả thế giới.” Ý trình bày về giáo hóa chúng sinh. Nay kinh chỉ nói đến Tri kiến, là bởi vì nhận biết về trú xứ của Phật và chúng sinh.

Ngay trong tướng thuộc hành của Nguyên, phân hai: Đầu là trình bày về pháp đã nhận biết, sau là phân rõ về pháp có thể nhận biết.

Trong tiết đầu: Câu đầu là tổng quát, từ “Quảng đại...” trở xuống là riêng biệt.

Riêng biệt có ba loại tướng: Một- Tướng thuộc về tất cả; Hai- Tướng thuộc về nghĩa chân thật; Ba- Tướng thuộc về vô lượng.

Một: Tướng của thế giới không giống nhau, cho nên nói là Tất cả. Trong đó lại có ba: 1- Trình bày về phần lượng, nghĩa là Tiểu-Trung-Đại thiên, như thứ tự trở thành rộng lớn vô lượng. 2- Thô và tế, là trình bày về Thể chất thô-diệu, nghĩa là Ứng-Báo khác nhau... Luận nói: Tế là bởi vì tùy theo Thân của Ý-Thức thuộc thế giới như thế nào? Thô là bởi vì tùy theo Sắc thân của Ý-Thức thuộc thế giới như thế nào. Nghĩa là tùy theo Sắc-Tâm thô-tế chủ động dựa vào thế giới thô-tế, thô nói là Sắc. 3- Từ “Loạn trú...” trở xuống là an lập không giống nhau. Loạn thì không dựa vào hàng ngũ, Đảo tức là quốc độ lật úp, Chánh tức là quốc độ ngửa lên; hoặc là tiến vào, hoặc là đi đến, hoặc là rời bỏ. Luận không có văn này.

Văn hàm chứa hai ý: a- Thành tựu về an lập trước đây, nghĩa là con đường qua lại ba loại thế giới trước đây; b- Thuận với phần sau, tiến vào tức là thâm nhiếp tiến vào nơi khác, đã rời bỏ tức là do nơi khác thâm nhiếp, đi đến tức là qua lại không dừng. Như lưới giăng của Đế Thích, chính là dụ cho điều này.

Hai: Sai biệt như lưới giăng của Đế Thích, tức là tướng thuộc về nghĩa Chân thật, quốc độ-quốc độ đồng Thể mà không giữ lấy tự tánh, trải qua hòa vào lẫn nhau giống như những viên ngọc nơi lưới giăng của Đế Thích, cho nên gọi là chân thật. Luận nói: Vốn như nghiệp huyễn làm ra, là chuyển sang dùng Dụ để hiển bày. Như thế giới huyễn ảo, là ở nơi lửa nhìn thấy nước, ở nơi lớn nhìn thấy nhỏ...; do nghiệp mà làm ra quốc độ vốn cũng giống như huyễn ảo, cho nên có thể trải qua hòa vào trùng trùng vô tận.

Ba: Từ “Thập phương...” trở xuống là tướng thuộc về Vô lượng,

nghĩa là hai tướng trước đây rộng khắp mười phương. Lại trên đây nói về không cùng tận, cho nên kết luận nói là Vô lượng. Kinh Đại Bồ Tát Tạng nói: “Thế giới trong hư không trùng trùng nối tiếp, nhiều hơn vì trần vốn có trong Đại thiên thế giới, chỉ do nghiệp khác nhau mà không chướng ngại lẫn nhau, một nơi trùng trùng hầy còn như vậy, huống hồ rộng khắp không gian hay sao?”

Tiếp sau từ “Trí giai minh liễu...” trở xuống là phân rõ về pháp có thể nhận biết, như tướng thuộc về nghĩa Chân thật, chỉ là Trí có thể nhận biết; còn lại tướng thuộc về tất cả thì có thể hiện rõ nhìn thấy bằng mắt.

Thứ bảy: Nguyên làm thanh tịnh quốc độ. Nguyên làm thanh tịnh quốc độ của mình, bởi vì an lập Chánh pháp, và có thể tu tập thực hành với chúng sinh.

Ở trong tướng thuộc hành của Nguyên, tổng quát có bảy thanh tịnh:

Một- Đồng Thể thanh tịnh, bởi vì cùng chung pháp tánh, khiến cho một-nhiều ngay trong nhau-hòa vào nhau (Tướng tức-nhập).

Hai- Vô lượng quốc độ chư Phật, tất cả đều thanh tịnh, tức là thanh tịnh tự tại; như ngọc Ma-ni thì đẹp-xấu đều hiện rõ, tịnh-ước viên thông cho nên nói là tất cả đều thanh tịnh.

Ba- Đồ vật nhiều ánh sáng dùng làm trang nghiêm, gọi là trang nghiêm thanh tịnh, tức là tướng thanh tịnh.

Bốn- Từ “Ly nhất thiết...” trở xuống là trình bày về thọ dụng thanh tịnh, nghĩa là thọ dụng quốc độ này lìa xa lỗi lầm mà thành tựu về đức: Câu đầu là thành tựu về Đoạn đức, câu sau là thành tựu về Hạnh đức. Như thọ dụng cơm thơm, thân diệt trừ các phiền não, tiến vào phần vị chính thức...

Năm- Từ “Vô lượng trí tuệ...” trở xuống là trú xứ của chúng sinh thanh tịnh, nghĩa là nơi ở của người đầy đủ đức. Nay nói tóm lược là Trí tuệ.

Sáu- Từ “Phổ nhập...” trở xuống là nhân thanh tịnh. Nhân thanh tịnh có hai: 1- Nhân phát sinh, nghĩa là Thí-Giới..., nói như kinh Tịnh Danh; 2- Nhân nương tựa, loại này lại có hai: a- Thức thuộc Cảnh Trí thanh tịnh làm chỗ dựa của quốc độ; b- Trí Hậu đắc bao gồm Tuệ làm chỗ dựa, như bắt đầu Địa thứ mười tiến vào quốc độ của Phật, Thể tánh của Tam-muội hiện rõ Tịnh độ... Hai loại này đều là cảnh giới của chư Phật.

Bảy- Từ “Tùy chúng sinh...” trở xuống là quả thanh tịnh. Nhân đã

có hai loại thì quả cũng có hai loại: 1-Quả đã phát sinh, tức là tướng thanh tịnh trước đây; 2-Quả đã thị hiện, tức là hợp với căn cơ mà thị hiện. Nay dựa vào nghĩa này.

Trong bảy loại thanh tịnh trên đây: Bốn loại trước là ngay nơi tướng mà trình bày về quốc độ, một loại tiếp là dựa vào con người để hiển bày thù thắng, hai loại sau là nêu ra nhân để hiển bày quả.

Ngay trong bốn loại trước: Hai loại đầu là Thể của quốc độ, một loại tiếp là Tướng của quốc độ, một loại sau cuối là Dụng của quốc độ.

Ngay trong Thể của quốc độ: Loại đầu là làm sáng tỏ về Thể giống nhau, loại sau là trình bày về Thể thanh tịnh. Bởi vì có bảy loại thanh tịnh, cho nên nghĩa về Tịnh độ đầy đủ.

Thứ tám: Nguyện không lìa xa. Nguyện đối với tất cả mọi nơi sinh ra, luôn luôn không lìa xa Phật Bồ-tát, mà đạt được Ý hành giống nhau, cũng gọi là Nguyện về Tâm hành, bởi vì Nguyện không lìa xa Nhất thừa. Vì vậy Luận nói: Đại nguyện thứ tám là không nghĩ đến Thừa khác.

Trong tướng thuộc hành của Nguyện, có mười hai câu: Đầu là một câu tổng quát, tiếp là mười câu riêng biệt trình bày về hạnh của Bồ-tát, sau là một câu kết luận.

Đầu là tổng quát: Cùng chí hướng Nhất thừa, cho nên cùng tu vạn hạnh.

Tiếp từ “Vô hữu oán tật...” trở xuống là riêng biệt, trong đó: Năm câu trước là tu hạnh giống nhau, năm câu sau là Đức Dụng giống nhau.

Trong năm câu trước: Đầu là hai câu về hai trang nghiêm thuộc Tự phần, câu 1- Phước và Thiện tích tập như nhau, câu 2- Trí và Quán ngang nhau. Sau từ “Thường cộng...” trở xuống là ba câu thuộc Thắng tiến, trong đó: Một câu đầu là phương tiện thâu nhiếp pháp, nghĩa là tụ tập giải thoát bởi vì luận về pháp của Phật. Hai câu sau là dựa vào pháp mà khởi Hạnh, câu đầu là Lợi tha, bởi vì tùy ý hiện thân; câu sau là Tự lợi, nghĩa là quên duyên để soi chiếu cảnh, không do người khác chỉ dạy, nói là Tự tâm vận dụng. Trí hợp với Pháp thân, gọi là nhận biết cảnh giới của Phật. Uy lực là Dụng bên ngoài, Trí tuệ là Minh bên trong, là bao gồm cảnh thuộc phạm vi giới của Báo-Hóa.

Trong năm câu sau là Đức Dụng: Câu đầu trình bày về Thể nối thông, như ý mà thành tựu không có gì có thể làm cho lui sụt. Bốn câu còn lại là Nghiệp nối thông, trong đó: Ba câu trước là Nghiệp nối thông

như ý: 1- Thân chính (Bốn thân) hưởng đến thế giới khác; 2- Hiện ra nhiều thân khác nhau ở tất cả pháp hội của Phật; 3- Thị hiện sinh thân cùng loại, gọi là tất cả nơi chốn sinh ra. Một câu sau là Nghiệp nổi thông Pháp-Trí.

Sau là một câu về tu hạnh của Bồ-tát, tổng quát kết luận mười câu trên.

Thứ chín: Nguyên làm lợi ích. Nguyên ở tất cả mọi lúc, luôn luôn làm việc lợi ích cho chúng sinh, không có gì trôi qua trống rỗng, cũng gọi là ba nghiệp không trống rỗng. Luận Du Già nói: “Nguyên tất cả những hạnh vốn có, không hề trái với gia hạnh, đều không trống rỗng.

Trong tướng thuộc hành của Nguyên, có hai:

Trước là tổng quát trình bày, nghĩa là nương vào Niệm không lui sụt, viên mãn về Giáo Luân, ba nghiệp đều lợi ích. Lại ba nghiệp đều không trống rỗng, tức là không lui sụt. Phá tan chướng ngại, tròn vẹn công đức, cho nên gọi là Luân.

Sau từ “Nhược tạm...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, có hai loại không trống rỗng (Bất Không):

1- Tác nghiệp nhất định không trống rỗng, cho nên ba nghiệp tự nhiên an lạc, nghĩa là thấy rõ hành của thân hành, nhận biết chân thật về pháp của Phật, cho nên nói là nhất định; nghe miệng thuyết pháp có thể phát sinh Trí tuệ, ý luôn nghĩ về Thật đức thì các phiền não không sinh khởi. Đây là thuận theo tăng trưởng thù thắng, cho nên nói ba nghiệp thành tựu lợi ích không giống nhau, thật sự thì có lẫn nhau.

2- Từ “Đắc như Đại dục...” trở xuống là lợi ích không trống rỗng, hai Dụ đều dụ cho bạt trừ đau khổ. Tất cả chúng sinh có hai loại khổ: Một-Những nỗi khổ đủ loại, nghĩa là bức bách..., dùng thân làm cây thuốc chúa để có thể đối trị; hai-Khổ về bản cùng, dùng thân làm vật báu Như ý để có thể cứu giúp. Nghĩa về đủ loại bao gồm thân-tâm, hoặc là thô-hoặc là tế; bản cùng bao gồm tài sản thế gian và tài sản Chánh pháp.

Luận chủ hướng về an lạc trước đây, ở đây là lợi ích, cho nên đưa ra cách giải thích này. Thật sự thì Dụ trước là dụ cho ba nghiệp rời bỏ pháp ác-lìa xa đau khổ, Dụ sau là dụ cho ba nghiệp tiến tới pháp thiện-đạt được niềm vui.

Thứ mười: Nguyên thành Chánh giác. Nguyên cùng với tất cả chúng sinh cùng lúc đạt được Bồ-đề Vô thượng, mà luôn luôn làm Phật sự. Văn có bốn tiết giống như trước, mà luận tổng quát hiển bày về

tướng của Nguyên, nói: Đại nguyện thứ mười là khởi hạnh Đại thừa, vốn là Thừa của quả, tuy đạt được Phật đạo, mà không rời bỏ lợi ích của Bồ-tát, cho nên gọi là phát khởi Đại hạnh.

Ngay trong tướng thuộc hành của Nguyên, phân làm hai tiết riêng biệt: Đầu là thành tựu Thể của Bồ-đề, Nguyên tự vận dụng đã viên mãn; sau từ “Bất ly...” trở xuống là tác nghiệp của Bồ-đề, tức là không ngừng vận dụng nơi khác.

Tiết đầu: Bồ-đề cũng là tướng tổng quát. Tất cả thế giới tức là nơi chốn đạt được Bồ-đề, nghĩa là tất cả các quốc độ cùng loại-khác loại khắp nơi mười phương, Chân thì phù hợp với tánh, Ứng thì tùy theo căn cơ, cho nên tất cả mọi nơi đều có mặt.

Trong tiết sau là tác nghiệp của Bồ-đề, có bảy loại Nghiệp:

1- Từ không lìa xa cho đến tiến vào Niết-bàn, là Nghiệp về thị hiện Chánh giác, đầu tất cả mảy lông là nơi thành Phật.

Trên đây trải rộng khắp nơi mười phương, nói là tất cả thế giới. Nay trình bày mỗi một đầu mảy lông trong pháp giới bao la, là nơi rất nhỏ bé, đều ở trong đó thị hiện tám tướng Thành Đạo, bởi vì những nơi ấy đều có thể giáo hóa chúng sinh. Vì vậy, phẩm Ly Thế Gian nói: Có nhiều chúng sinh ở nơi đầu một mảy lông, hướng là ở pháp giới. Nhưng lại không lìa xa nơi đầu một mảy lông, mà thị hiện ở nơi đầu tất cả mảy lông, thì không chuyển động mà ở khắp nơi, vốn là một-nhiều tự tại.

2- Từ “Đắc Phật cảnh giới...” trở xuống là Nghiệp về thuyết giảng Thật đế, nghĩa là thuyết giảng bốn Chân đế, khiến cho tỏ ngộ về Thật:

Đầu là trình bày về chủ động thuyết giảng, nghĩa là Lực của Trí tuệ. Lực bao gồm hai nghĩa, đó là Lực của Trí tuệ và Lực của Thần thông. Luận về Kinh trình bày đầy đủ. Dụng của hai Lực này chỉ là cảnh giới của Phật.

Sau là hiển bày về Dụng của Lực, dùng Lực của Thần thông để niệm niệm thành Phật, dùng Lực của Trí tuệ để tùy theo ưa thích mà thuyết giảng, khiến cho đạt được tịch diệt, là lợi ích của thuyết giảng, nghĩa là có thể đoạn Tập-tu Đạo, thì đạt được Khổ Diệt, chứng lý đối với Diệt. Luận giải thích về thành Phật rằng: Loại trừ nơi chốn của các nạn, sinh vào những nơi chốn thù thắng ấy. Bởi vì nơi chốn sinh ra Phật chắc chắn không phải là nơi chốn của năm nạn, cũng không có nạn sinh trước Phật-sau Phật, cho nên nói là loại trừ nơi chốn của các nạn.

3- Từ “Dĩ nhất tam Bồ-đề...” trở xuống là Nghiệp về chứng đạt giáo hóa, bởi vì Bồ-đề là một hoàn toàn không có hai, hợp với Niết-bàn thuộc tánh thanh tịnh sai biệt, thì không còn trải qua Diệt. Thuyết giảng

về pháp đã Chứng này, khiến cho chúng sinh phát sinh niềm tin, gọi là Nghiệp giáo hóa.

4- Từ “Dĩ nhất âm...” trở xuống là Nghiệp về thuyết pháp đủ loại, một âm thanh mà hợp với căn cơ.

5- Từ “Thị nhập...” trở xuống là Nghiệp về không đoạn mất chủng tánh Phật, Niết-bàn thường trú động-tịch không hai, Song lâm ứng hiện diệt độ, tình cảm lưu luyến của chúng sinh càng tăng, cho nên nói là Thị hiện nhập diệt. Đã không phải là vĩnh viễn diệt độ, mà thường xuyên làm Phật sự, cho nên chủng tánh của Phật không đoạn mất. Đây cũng là đạt được quả mà không rời bỏ nhân.

6- Từ “Thị Đại Trí...” trở xuống là Nghiệp về Minh pháp luân lại thường trú. Địa của Đại Trí Tuệ chỉ là một sự thật, tức là Trí của Phật có thể sinh ra vạn vật, cuối cùng thuộc về nơi này, cho nên gọi là Địa. Nêu rõ vạn vật kết thúc như nhau, nhưng môn Trí tuệ tùy theo căn cơ vô cùng sai khác, gọi là an lập tất cả. Trước đây tức là Niết-bàn có thể kiến lập Đại sự, ở đây tức là đối với một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba, đối với Thật để thi thiết Quyền cho nên gọi là lại thường trú (Phục trú).

7- Từ “Dĩ pháp trí...” trở xuống là Nghiệp về Tự tại, trong đó: Trước là hiển bày về chỗ dựa của Tự tại, đó gọi là ba Thông. Pháp trí thông, là quán sát tất cả các pháp vốn không có tánh-tướng. Thần tức thông, là tự thân thị hiện sinh-trú-diệt dài ngắn, bởi vì tùy tâm tự tại. Huyền thông, là chuyển biến sự việc bên ngoài, bởi vì tất cả đều tùy ý. Hai Thông sau này, chỉ là khác nhau về trong-ngoài. Bởi vì Pháp trí thông thấy rõ Lý-rời bỏ Tướng, cho nên không trú vào thế gian; bởi vì hai Thông sau có Dụng về Sự luôn tự tại, cho nên không trú vào Niết-bàn mà thành tựu về Đạo Vô Trú. Lại dựa vào Trí Luận nói có bốn Thông, ba loại trước giống như trước đây, bốn là Chủng chủng biến hóa Thông, thuộc về tự tại của bậc Thánh, nghĩa là mười tám Thần biến-ba Luân hóa hiện... Chọn lấy loại này thì từ “Tự tại...” trở xuống là Thông thứ tư.

Trên đây là riêng biệt hiển bày về mười Nguyên, xong.

Mục 3- Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về mười Nguyên, không khác với mục nêu lên trước đây.

Mục 4- Từ “Dĩ thử...” trở xuống là trình bày về thâm nhiếp quyền thuộc. Nếu xem theo văn kinh, thì tựa như chủng loại của mười Nguyên này có đến trăm-vạn... Dựa vào Luận giải thích rằng: Mười Đại Nguyên này, trong mỗi một Nguyên có trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Đại Nguyên,

dùng làm quyển thuộc, thì mười Nguyên này thâm nhiếp không có gì không tận cùng; như Nguyên Thành Chánh Giác, thì thâm nhiếp mười hai Thượng Nguyên của Đức Phật Dược Sư; như Nguyên Tịnh Độ, thì thâm nhiếp bốn mươi tám Nguyên của Đức Phật A Di Đà... Vì vậy, kinh này-kinh khác, tất cả các Nguyên không ra ngoài mười Nguyên này, không những thâm nhiếp Nguyên mà cũng thâm nhiếp tất cả pháp phần Bồ-đề, như Địa thứ bảy phân rõ.

Trên đây trình bày về mười Nguyên, làm sáng tỏ về tự mình chịu khó thực hành, xong.

Mục hai- Từ “Phật tử thử Đại nguyên...” trở xuống là dùng mười câu về Tận (Tận cú) giống với chúng sinh, nghĩa là mười Nguyên trước đây đều vì chúng sanh, do mười Vô tận mà thành tựu Đại Nguyên trước đây, cũng đều Vô tận. Văn phân làm hai: 1- Tổng quát nêu lên; 2- Từ “Hà đẳng...” trở xuống là đưa ra riêng biệt hiển bày.

Mục 1, bản kinh thời Tấn gọi là Pháp không thể tận cùng, văn sau giải thích cũng nói: Đều không thể tận cùng. Nay nói mười câu về Tận, là cùng tận Vô tận ấy đều không có gì sót lại, cho nên gọi là Tận. Đây là giống như tận cùng chúng sinh Vô tận.

Vì vậy văn sau Luận nói: Tận cùng, là thị hiện tận cùng không đoạn mất, không phải là tận cùng niệm niệm. Vì nguyên cố này, nay mười Nguyên trước đây có được tên gọi Đại Nguyên, cho nên nói là Đại thế nguyên này mà được thành tựu.

Trong mục 2, là đưa ra riêng biệt hiển bày: Trước là hiển bày về mười Tận nói trên; sau từ “Nhược chúng sinh giới...” trở xuống là hiển bày về thành tựu Đại Nguyên trước đây.

Mục trước: a- Đưa ra; b-Hiển bày. Trong hiển bày có mười câu: Câu đầu là tổng quát, mười Nguyên đều là bởi vì chúng sinh; chín câu còn lại là riêng biệt.

Riêng biệt đều là nghĩa về tích tập thành tựu hóa độ chúng sinh: 1- Chúng sinh trú ở nơi nào? Đó gọi là thế giới. 2- Thế giới dựa vào đâu? Đó là tận cùng hư không giới. 3- Thuyết về pháp gì để giáo hóa? Đó là pháp giới. 4- Những chúng sinh đã giáo hóa an trí nơi nào? Đó là Niết-bàn. 5- Niết bàn có Dụng gì? Đó là Phật xuất hiện. 6- Dùng phương tiện gì để khéo léo giáo hóa? Đó là Trí của Như Lai. 7- Trí này nhận biết điều gì? Đó là nhận biết về tâm đã duyên vào. 8- Tâm này đã duyên vào khiến cho thuận theo cảnh giới nào? Đó là đã tiến vào cảnh giới thuộc Trí của Phật, tức là Chân tánh. Ba loại Chuyển Tận sau (Thế gian-Pháp và Trí), tóm lược thâm nhiếp chín nghĩa trước, hàm

chứa tổng quát và riêng biệt. Vì sao thâm nhiếp chín nghĩa? Nghĩa là Thế gian chuyển, thâm nhiếp Chúng sinh giới, Thế giới và Hư không giới trước đây; Pháp chuyển ấy thâm nhiếp Pháp giới, Niết-bàn giới và Phật xuất hiện giới trước đây; Trí chuyển ấy thâm nhiếp Trí của Như Lai trước đây.

Ba Giới sau mà nói là Chuyển, bởi vì Thế gian-Pháp và Trí lần lượt chuyển tiếp thâm nhiếp vô cùng tận trước đây, cho nên Chuyển cũng là nghĩa về Vô tận mà thôi.

Lại trong mười nghĩa: Bốn nghĩa trước là bốn loại Vô lượng giới, sáu nghĩa sau đều là phương tiện điều phục Vô lượng giới. Mười loại đều nói là Tận, bởi vì không có đoạn tận.

Trong mục sau là hiển bày về thành tựu Đại Nguyên: a- Trở lại hiển bày; b- Từ “Nhi chúng sinh giới...” trở xuống là thuận theo trình bày về nguyên cố Vô tận.

Mười Nguyên giống với mười nghĩa này, bởi vì mười Nguyên trước đây không ra ngoài mười nghĩa này, mười câu về Tận này vốn là Lực tăng thượng, chư Phật dùng Lực này, thường xuyên làm sự việc lợi ích cho chúng sinh, con nguyên giống như vậy.

Trên đây là so sánh về Nguyên, xong.

Phần hai: Từ “Phật tử, Bồ-tát phát như thị Đại nguyên dĩ...” trở xuống là thù thắng thuộc về Hạnh tu tập, tức là so sánh về Hạnh, có mười loại Hạnh, dựa vào văn có ba: 1-Trình bày về tâm làm chỗ dựa của Hạnh; 2-Từ “Thành tịnh Tín...” trở xuống là hiển bày về tướng của Hạnh đã thành tựu; 3-Từ “Phật tử, Bồ-tát như thị...” trở xuống là kết luận về Thế của mười tên gọi.

Phần 1: Bởi vì Đại Nguyên trước đây huân tập trong tâm, thì đạt được mười tâm như lợi ích..., làm chỗ dựa để khởi Hạnh, khởi lên tác dụng tự tại đối với mười Hạnh sau. Nhưng có hai ý: Một- Dùng mười tâm nối thông làm chỗ dựa của mười Hạnh, tùy theo giải thích dễ dàng hiểu rõ; Hai- Dùng mười tâm riêng biệt hướng về mười Hạnh, để đối trị mười chướng, văn đều theo thứ tự, chỉ có Tín-Hạnh đầu tiên, mà tâm không cấu trược ở cuối cùng, là bởi vì nối liền nhau với văn giải thích.

1- Tâm lợi ích, lợi ích về cứu giúp khổ đau, tức là chỗ dựa của tâm Bi; đối trị chướng ngại về tổn hại, có thể thành tựu Hạnh về Bi.

2- Mang lại niềm vui dịu dàng mềm mỏng, tức là tâm Từ; đối trị chướng ngại về nóng giận thô bạo.

3- Tùy thuận những mong cầu, tức là tâm bố thí; đối trị chướng ngại về đối với thân mạng-tài sản mà sinh lòng luyến tiếc.

4- Vắng lặng rỗng rang không có mong cầu, mới có thể mong cầu mà không chán nản, là tâm không hề mệt mỏi chán nản; đối trị chướng ngại về mong cầu đền đáp ân nghĩa, tham đắm về lợi dưỡng, không vắng lặng rỗng rang.

5- Ba Học điều hòa thuận phục, là tâm nhận biết về Kinh-Luận, bởi vì Kinh giải thích về Định, Luận giải thích về Tuệ, Kinh bao gồm Luật, lại là điều hòa thuận phục; đối trị chướng ngại về không có khéo léo mong cầu gia hạnh, bởi vì có thì điều hòa thuận phục.

6- Tuy đi giữa thế gian mà phiền não hư vọng không sinh khởi, cho nên nói là tịch diệt, là tâm hiểu rõ pháp thế gian; đối trị chướng ngại về không tịch diệt, không tùy thuận với tâm người khác mà chuyển, tánh không nhu hòa.

7- Tôn sùng kính trọng Hiền thiện, cự tuyệt điều ác không để tăng lên, cho nên gọi là khiêm tốn, là tâm hổ thẹn; đối trị chướng ngại về kiêu ngạo buông lung.

8- Dùng pháp phương tiện nhuần nhuyễn có thể tu tập giải thoát, tức là trang nghiêm kiên cố; đối trị chướng ngại về sinh lòng yếu hèn đối với đủ loại khổ đau vô cùng mãnh liệt, không hề gián đoạn-không hề dừng lại của sinh tử.

9- Có thể thực hành đúng như lời nói, cho nên tâm không thay đổi, tức là Hạnh cúng dường chư Phật; đối trị chướng ngại về những nghi hoặc-do dự đối với bậc Đại Sư.

10- Tâm không cấu trược, tức là Tín-Hạnh thứ nhất, Tín dùng tâm thanh tịnh làm tánh, bởi vì lìa xa cấu trược của không tin tưởng. Đây là đối trị chướng ngại về hoàn toàn chưa phát tâm, hoàn toàn chưa thọ trì Học xứ của Bồ-tát.

Bởi vì đối trị mười chướng, cho nên kinh gọi là Pháp của Địa đối trị làm cho thanh tịnh. Pháp của Địa bao gồm Giáo-Chứng. Chướng đã đối trị này, nói đầy đủ như luận Du Già quyển thứ 49.

Phần 2: Riêng biệt hiển bày về tướng của Hạnh đã thành tựu, sơ lược đưa ra bảy môn:

Một- Giải thích tên gọi: Trước là nêu ra; sau là giải thích. Nêu ra: 1- Tín Hạnh; 2- Bi; 3- Từ; 4- Thí; 5- Không hề mệt mỏi chán nản; 6- Nhận biết về Kinh-Luận; 7- Hiểu rõ về pháp thế gian; 8- Trang nghiêm bằng hổ thẹn; 9- Lực kiên cố; 10- Cúng dường chư Phật. Giải thích tên gọi thuận theo văn có thể thấy.

Hai- Phân rõ về Thể, phần nhiều giống như Thập Tạng.

Ba- Trình bày về nơi chốn đạt được: Bởi vì phần vị Tín tức là Tu,

cho nên Tín-Tiến-Niệm... trên đại thể giống như ở đây. Bởi vì Tam Hiền từng bước thuần thực, cho nên phẩm Thập Tạng có Tạng như Tín... Bởi vì Địa thứ nhất Chứng được, dùng thanh tịnh để đối trị chướng ngại của Địa, cho nên ở đây chỉ trình bày về điều này. Văn sau Luận nói: Bởi vì mười Hạnh như Tín... này, không còn là chướng ngại về pháp thanh tịnh của Địa, cho nên trước đây dùng một Hạnh để đối trị một chướng.

Bốn- Dựa theo Tu để phân biệt về mười Hạnh, phân hai: Ba loại trước là Hạnh thuộc về Ý lạc, cho nên gọi là Tâm; bảy loại sau là gia hạnh thành tựu về Tu, cho nên gọi là Hạnh. Vì vậy Luận nói: Mười loại Hạnh này hiển bày về hai loại thành tựu thù thắng, một là thành tựu về tâm sâu xa, đó là Tín-Bi-Từ; hai là thành tựu về tu hành, đó là bảy Hạnh còn lại. Luận Du Già-luận Địa Trì đều giống như ở đây nói.

Năm- Dựa theo Tự lợi-Lợi tha: Bảy Hạnh trước là riêng biệt hiển bày về Tự lợi-Lợi tha, Tín và không hề mỗi một là hạnh Tự lợi, năm Hạnh còn lại là hạnh Lợi tha. Ba Hạnh sau là bao gồm dựa theo Tự lợi-Lợi tha, bởi vì thâm nhiếp bảo vệ bảy Hạnh trước, trong đó: Hai Hạnh thứ tám-thứ chín bảo vệ cho bảy Hạnh trước, nghĩa là Tàm-Quý đối trị chướng ngại, bảo vệ khiến cho lìa xa pháp ác, có thể khiến cho Tín... thành tựu về hạnh không có tham trước; nhờ vào Lực của kiên cố bảo vệ khiến cho trú vào pháp thiện, có thể khiến cho Tín ... thành tựu về hạnh không thể lay động. Hạnh thứ mười thâm nhiếp bảy Hạnh trước, một là thâm nhiếp khiến cho thành tựu về hạnh, hai là thâm nhiếp khiến cho đạt được quả. Suy nghĩ có thể biết.

Sáu- Trình bày về thứ tự: Trước là tự chứng về Tín nhân quả. Đã tự chứng về Tín thì thương xót khổ đau hư vọng, thể trao cho niềm vui chân thật. Bởi vì cứu giúp người khác, cho nên bố thí mà không hề luyến tiếc. Cầu pháp không hề mệt mỏi, thì có thể nhận biết rõ ràng về Kinh-Luận. Suy nghĩ về pháp thế gian, tàm quý ngăn chặn điều ác, kiên cố tiến tới điều thiện, tự nhiên chân thật cúng dường chư Phật.

Bảy- Giải thích văn: Mười Hạnh phân làm chín mục, bởi vì Từ và Bi hợp làm một.

Mục một- Tín Hạnh phân hai: 1- Thâm nhiếp đức thành tựu về người; 2- Từ “Năng Tín...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng của Tín, có mười một câu, văn phân ba tiết riêng biệt: Đầu là một câu tổng quát về Tín nhân quả; tiếp là chín câu riêng biệt trình bày về nhân quả; sau là một câu kết luận tóm lược-hiển bày mở rộng.

Tiết đầu: Như Lai là quả, Bốn Hạnh là nhân. Bởi vì đã tiến vào bao gồm nhân-quả, cho nên nhân-quả đều có nghĩa về Chứng Nhập.

Trong tiết tiếp từ “Tín thành tựu...” trở xuống là riêng biệt trình bày về nhân quả: Hai câu trước là nhân, câu một là Thể của Hạnh, câu hai là công năng của Hạnh. Bảy câu còn lại là quả, câu tuy có bảy mà thâm nhiếp làm thành năm loại thù thắng, bởi vì ba câu đầu hợp làm một, cùng với kết luận là có sáu. Năm loại đều là đức của Phật, cho nên gọi là thù thắng.

Trong năm loại: Bốn loại trước là Trí đức, một loại sau là Đoạn đức.

Trong Trí đức: 1- Thù thắng thuộc về đối trị, tức là nương vào đối trị để hiển bày thù thắng, nghĩa là mười Lực làm cho ma phải khuất phục, Vô úy chế ngự ngoại đạo, Bất cộng vượt qua Tiểu thừa cho nên nói là đối trị. Nhưng Kinh nói Bất hoại, bởi vì đối với Nhị thừa không phải là cứu cánh. Tiếp là ba loại ngay nơi tướng hiển bày thù thắng: 2- Tức là Lực của Thần thông không thể nghĩ bàn, do thù thắng tối thượng mà hiện bày cho nên bất dứt suy nghĩ tính toán. 3- Thù thắng thuộc về không tạp nhiễm, nghĩa là Chứng Chân-phát sinh Trí, không có xen tạp Trung-Biên (Trung đạo và Nhị biên), vốn là cảnh giới của Phật; bởi vì ngay nơi Nhị biên mà Trung đạo, cho nên không có Nhị biên, Nhị biên đã không có thì Trung đạo vì sao lại có? 4- Thù thắng thuộc về Nhất thiết chủng trí, Chứng Chân-hiểu rõ Tục, cho nên nói là tùy thuận tiến vào vô lượng sai biệt, là cảnh giới của Chủng trí. 5- Thù thắng thuộc về lìa xa (Đoạn đức), bởi vì luôn luôn xa lìa tập khí của tất cả phiền não. Kinh chỉ nói là quả, mà Luận phân định là Đoạn đức, bởi vì bốn loại trước đều là quả. Nay lại nói là quả, cho nên rõ ràng là quả thuộc về quả, chính là Niết-bàn.

Tiết sau từ “Cử yếu...” trở xuống là nêu ra tóm lược-hiển bày mở rộng, bởi vì tổng quát về tất cả nhân quả của Tín. Trí Địa là Chứng, Thuyết tức là Giáo, Lực bao gồm hai loại trước, có lúc gọi là Uy lực, cũng là lợi ích của ba Luân giáo hóa.

Trong mục hai: Là cùng phân rõ về hai Hạnh Từ-Bi, có hai: Trước là trình bày về ba Quán làm phương tiện; sau từ “Bồ-tát kiến chư chúng sinh...” trở xuống là trình bày về tướng của Hạnh đã phát khởi.

Trong mục trước về ba Quán tức là ba đoạn: 1- Quán sát về xa lìa niềm vui thuộc Đệ nhất nghĩa tối thượng; 2- Từ “Nhi chư phạm phu...” trở xuống là quán sát đầy đủ các khổ; 3- Từ “Nhiên chư chúng sinh...” trở xuống là quán sát về hai loại điên đảo ấy, chỉ mất đi niềm vui chân thật đã là đáng thương xót, huống hồ còn thêm khổ đau hư vọng, hưởng hồ lại cùng mê chấp, trái với lúc đầu của ngày nào? Do quán sát thứ

nhất mà khởi lên Từ, do quán sát thứ hai mà khởi lên Bi, do quán sát thứ ba mà cùng khởi lên Từ-Bi.

Đoạn 1: Quán sát về xa lìa, tánh thanh tịnh sâu xa vắng lặng gọi là Đệ nhất nghĩa, không lay động là niềm vui, tùy theo hư vọng thì lìa xa. Trong văn: Trước là tổng quát nêu lên khởi niệm, sau từ “Chư Phật...” trở xuống là hiển bày về niềm vui đã lìa xa, trong đó có chín câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát nói: Pháp của chư Phật, là bởi vì chỉ riêng Giáo-Chứng của Phật mới có thể hiển bày, đầy đủ các nghĩa sau cho nên gọi là rất sâu xa.

Riêng biệt có chín loại rất sâu xa (Thậm thâm), nay Kinh thiếu mất loại thứ 9 là khó đạt được trong Luận:

1- Tịch tĩnh rất sâu xa, nghĩa là Thể của pháp lìa xa vọng chấp về Thật có, cho nên gọi là Tịch tĩnh. Tự cho là vọng chấp, trong đó đích thực giữ lấy không phải là căn bản thì không Tịch tĩnh. Trung Luận nói: “Hư dối tùy tiện giữ lấy, thì Trung đạo giữ lấy cái gì?” Một loại này dựa theo giải thích để ngăn chặn (Già thuyên).

2- Tịch diệt rất sâu xa. Đây là dựa theo giải thích để biểu lộ (Biểu thuyên). Luận nói: Bởi vì xác định về pháp-nghĩa, nghĩa là Thể vắng lặng của Nhất tâm, cho nên gọi là xác định về pháp, hai môn cũng vắng lặng tức là xác định về nghĩa.

Tiếp là ba loại rất sâu xa đối trị về ba chướng, thành tựu về quán sát ba môn giải thoát, nghĩa là:

3- Đối trị chướng ngại về phân biệt hư vọng;

4- Đối trị chướng ngại về Hữu tướng;

5- Đối trị chướng ngại về giữ lấy Chân-rời bỏ Vọng.

6-Trình bày về quán sát lìa xa tạp nhiễm, nghĩa là đạo phương tiện chân thật.

7- Quán sát về thiện căn phát sinh, không thể tính toán suy nghĩ, tức là Trợ đạo.

8- Quán sát về Trí tăng thượng dựa vào Tự lợi-Lợi tha, cho nên nói là rộng lớn, tức là không trú vào đạo.

9- Luận nói: Rất sâu xa khó đạt được, bởi vì quán sát về Chứng Trí trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, tức là Chứng Đạo, vốn là Chứng về Tín thuộc tánh thanh tịnh.

Nay thâm nhiếp rộng lớn, bởi vì Đại xứng với Thể, cho nên nghĩa cùng với Chứng giống nhau. Hai loại trước thẳng thắn dựa vào Thể của pháp, bảy loại sau dựa theo Trí để hiển bày về rất sâu xa, cho nên đều

nói là Quán.

Đoạn 2: Là quán sát đầy đủ các khổ, dựa theo mười hai duyên để trình bày. Nhưng mười hai duyên đầy đủ khổ-phiền não và nghiệp, chỉ nói quán sát về khổ, là bởi vì nhân của khổ-phiền não và nghiệp. Lại hai loại lưu chuyển thay đổi (Lưu động) là khổ ngay trong nhau, bởi vì thay đổi tức là có khổ. Văn phân làm hai tiết: Một- Riêng biệt trình bày về tướng của duyên; Hai- Từ “Như thị chúng sinh...” trở xuống là kết luận thành tựu về khổ hư vọng.

Trong tiết một, phân hai: Trước là trình bày về ba Chi của thời gian (Tế) trước; sau từ “Ư tam giới điền...” trở xuống là hiển bày về chín Chi của thời gian giữa và sau. Vì vậy Luận chủ phân ra ba Chi trước giải thích ở một phần, chín Chi sau và kết luận giải thích ở một phần, muốn hiển bày ba Chi trước là nhân, nhân là bởi vì nghĩa giống như điền đảo-mê hoặc-tà kiến. Chi Thức dựa theo Chủng, là bởi vì nghĩa của nhân, cũng hiển bày hai Chi trước. Bởi vì ba Chi trước cùng với Chi thứ bảy-Chi thứ tám có lẽ khác đời, dựa theo quả để kết luận về khổ, cho nên hiển bày về nghĩa của khổ.

Tiết trước, trong ba Chi trước, vẫn có mười câu: Đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát nói Tà kiến, là trước đây trình bày về Chánh pháp thì Lý vốn không có thiên lệch, nay mê lầm về Thật nghĩa ấy mà dẫn đến sai lạc ngoài Lý, đều gọi là Tà kiến, bao gồm phiền não-nghiệp chứ không chỉ riêng bài bác không có nhân-quả. Kinh Niết Bàn cũng nói: “Tất cả phiền não, tà kiến thâm nhiếp toàn bộ.”

Vốn ở trong đó, vì sao nói là rơi vào? Ở đây có hai nghĩa: Một-Dựa theo một phần bắt đầu khởi lên, gọi đó là rơi vào; hai-Dựa theo nghĩa về mê lầm Chân-thuận theo Vọng, nói là rơi vào, chứ không phải là có bắt đầu. Chân tuy vốn có mê lầm mà cũng không có tướng bắt đầu, dựa vào Vô tánh cho nên gọi là Chân. Nếu nhất định có Chân thì Chân lại trở thành Vọng. Nếu như vậy thì Chân phải giống như Vọng, bởi vì dựa vào lẫn nhau. Vọng nhất định có thể đoạn trừ, Chân nhất định có thể hiển bày. Đây là không giống như Chân thuộc về Bất Không, bởi vì không phải là do Vọng, chỉ là Vọng chấp trống rỗng thì tự thấy nguồn Chân.

Sau từ “Vô minh phú ế...” trở xuống là riêng biệt, có chín loại Tà kiến: Năm loại đầu là Vô minh, ba loại tiếp là Hành, một loại sau là chi Thức.

Nghiệp và Thức chủng cũng gọi là Tà kiến, nghĩa nói như trước.

Lại bởi vì Tà kiến đi cùng, bởi vì Tà kiến dẫn dắt. Sở dĩ Vô minh đây đủ nhiều câu, bởi vì tất cả phiền não rơi rụng hưởng về quá khứ, tổng quát gọi là Vô minh, cho nên nay nói tường tận. Lại hiển bày tất cả phiền não đều có thể phát ra tươi tốt, mà phần vị phát khởi về nghiệp thì lực của Vô minh tăng mạnh, cho nên gọi là Vô minh.

Trong năm loại đầu là Vô minh, có hai: Ba loại trước là Căn bản Vô minh, lỗi lầm do mê mờ về pháp-nghĩa; hai loại sau là Chi mạng Vô minh, lỗi lầm do theo đuổi thời gian.

Ba loại trước là Căn bản Vô minh: Một loại đầu là mê mờ về pháp, hai loại sau là mê mờ về nghĩa.

Vì vậy Luận tổng quát nói rằng: Ba loại này vọng chấp dựa vào pháp-nghĩa, như vậy theo thứ tự. Vậy thì nói về vọng chấp, bao gồm pháp-nghĩa trên đây. Cũng có thể vọng chấp riêng biệt đối với Tà kiến Ái niệm thứ ba.

Một câu đầu là Tà kiến Tế ý thứ nhất (che lấp ý). Đây là dựa vào mê mờ về pháp, nghĩa là Vô minh trụ địa mê mờ che lấp Thể của pháp. Đã nói đến Pháp, nghĩa là tâm của chúng sinh, gọi là che lấp ý. Vô minh này là đầu tiên của mê mờ về Chân, là nguồn gốc của phiền não hư vọng.

Hai câu tiếp là mê mờ về nghĩa, bao gồm bốn trụ hoặc, bởi vì si mê trước đây, cho nên mê mờ che lấp nghĩa của Nhân duyên Vô ngã, hư vọng thiết lập các pháp. Đã mê mờ các pháp có trong-có ngoài, nghĩa là Tà kiến Kiêu mạn thứ hai. Đây là dựa vào mê mờ bên trong, hư vọng thiết lập Ngã-Pháp, tự cao mà xem thường chúng sinh. Kinh nói: “Dựng lên cột cao của kiêu mạn.”

Ba- Đi vào trong mạng lưới Khát Ái, tức là Tà kiến Ái niệm thứ ba. Đây là dựa vào mê mờ hư vọng bên ngoài, nghĩa là Ngã sở và cảnh giới bên ngoài, mà sinh ra tham ái, như con Nai khát nước chạy theo hơi nóng mặt trời, loài cá bị mắc vào lưới, như chi Ái hiện tại.

Bốn- Từ “Hành siểm cưỡng...” trở xuống là hai loại Tà kiến, lỗi lầm do theo đuổi thời gian, bởi vì như chi Thủ hiện tại. Luận Câu Xá nói: “Rong ruổi khắp nơi để tìm câu gọi là Thủ.” Do bên trong chấp có Ngã, bên ngoài thấy có Ngã sở trên đây, dùng Ngã đối với Sở thì sinh ra ba lỗi lầm: 1- Đối với điều có thể đạt được thì khởi lên Tà kiến Siểm cưỡng thứ tư (nịnh hót lừa dối); nịnh hót lừa dối quanh co, giả mà tựa như thật, vì vậy dụ cho rừng rậm không thể nào tự mình ra khỏi. 2- Đối với điều không thể đạt được thì sinh lòng ganh ghét. 3- Đối với điều đã đạt được thì sinh lòng bủn xỉn keo kiệt. Hai loại trên tức là Tà kiến Xan

tật thứ năm. Kinh nói: “Tâm tương ứng với bủn xỉn-ganh ghét không rời bỏ.” Bởi vì ganh ghét về thân người khác, cho nên sinh trong hạng thấp hèn, dung mạo xấu xí. Bởi vì bủn xỉn về tài sản, cho nên tiền bạc vật dụng không đầy đủ. Do đó nói là: Luôn luôn tạo ra nhân duyên thọ sanh ở các nẻo.”

Trong ba loại tiếp là trình bày về Hành:

Đầu từ “Tham khuể...” trở xuống là Tà kiến Tập nghiệp thứ sáu. Bởi vì theo đuổi trước đây, khởi lên lỗi lầm của nghiệp hành, làm tăng trưởng phiền não. Câu này tổng quát trình bày bởi vì phiền não mà tạo ra nghiệp, vì vậy Địa thứ sáu nói là Tư duy không đúng đắn, khởi lên hành hư vọng. Cũng là Hành đi cùng Vô minh mà chính thức phát ra nghiệp, các nghiệp không phải một là bởi vì tích tập theo không gian, ngày đêm luôn tăng trưởng lại hiển bày tích tập theo thời gian. Nhưng nhân của Tập nghiệp, bởi vì ba Độc, cho nên nói là ba Độc tham lam-giận dữ-ngu si, duyên với ba Thọ. Vì vậy Luận nói: Lúc nhận lấy các Thọ thì hai loại yêu-ghét ấy vốn là cảnh giới điên đảo, nghĩa là Lạc thọ thì sinh lòng yêu thích, Khổ thọ thì sinh lòng giận dữ, Si thuận theo tiếp nhận giữa hai loại, cho nên nói là hai loại ấy. Nói điên đảo là bao gồm ba loại trên, đều bởi vì trong pháp không có trái-thuận mà tùy tiện cho là có. Nhưng hành tướng của Ngu si và Vô minh sai khác thế nào? Ngu tức là chậm chạp-vướng mắc che lấp do nhiều loại, Si là mê tối không phân biệt đúng-sai, đều đối với cảnh hiện tại chứ không duyên với ba đời; duyên với cảnh của ba đời mà không thông hiểu rõ ràng, mới gọi là Vô minh, bởi vì không thấy vị lai mà phát ra nghiệp hiện tại. Nghĩa bao gồm có thể biết.

Tiếp là hai loại riêng biệt trình bày trong chi Hành: Câu đầu trình bày về Tà kiến Xí nhiên thứ bảy, thổi vào ngọn lửa Tâm-Thức, tức là nghiệp suy nghĩ (Tư) thuộc về nội tâm, bị gió phiền não lay động, nghĩa là nhớ lại lẫn nhau vào lúc oán hận, gọi là Phẫn hận; đây là bắt đầu của suy nghĩ; muốn khởi lên nghiệp ác đên trả, cho nên nói là rừng rực không dứt; đây là cuối cùng của suy nghĩ. Suy nghĩ nối thông với các nghiệp ác mà nghiệp giết hại đứng đầu, cho nên chỉ nói là Phẫn hận. Về sau làm hại cũng như vậy. Câu sau là Tà kiến Khởi nghiệp thứ tám, tức là bao gồm hành động của thân-miệng, cho nên nói là tất cả nghiệp đã gây ra. Luận nói: Vào lúc gây ra việc ác thì lần lượt thay nhau mà làm hại. Do điên đảo mà tạo nghiệp, nghiệp không lìa xa điên đảo, cho nên nói là tương ứng.

Sau từ “Dục lưu...” trở xuống là Tà kiến Tâm-ý-thức thứ chín,

trình bày về chi Thức đã dẫn dắt. Bởi vì chi Thức ấy bao gồm nhân quả, Kinh muốn trình bày đầy đủ, cho nên hiển bày đầy đủ về nhân quả; Luận muốn phân tích, cho nên trước là trình bày về chủng tử của Thức. Ba tên gọi về Tâm-Ý-Thức có tổng quát-riêng biệt, đã giải thích như trước.

Nay trong văn này, nghĩa hàm chứa tổng quát và riêng biệt. Riêng biệt gọi Tâm là chủng tử của Thức, Ý-Thức bao gồm bốn chủng tử còn lại. Nói chủng tử là chọn ra khác với hiện hành, gọi là chủng tử của năm quả. Cái gì có thể khởi lên chủng tử này? Đó là nghiệp thiện-ác. Vô ký không phải là nhân, cho nên ở đây không nói đến. Nghiệp thiện vì sao lại sinh ra chủng tử của khổ? Bởi vì tương ứng với bốn Lưu như Dục... Nay Thí-Giới... đều là hữu lậu, không phải là Trí vô niêm, không có hạn kỳ đoạn trừ. Nếu như vậy thì tại sao không gọi là chủng tử của nghiệp phát khởi? Lý thật thì cùng nối thông, Nghiệp là chủng tử chính hưởng về báo của khổ-vui, Thức là chủng tử chính hưởng về Thể của tâm sinh ra. Bởi vì tất cả sinh tử đều do tâm khởi lên dựa vào tánh vốn có, như mầm cây mạnh-yếu nhờ vào đất-nước, mà sinh ra mầm chính là do hạt giống. Vì vậy, các Kinh-Luận cùng nói đến hai loại.

Trên là trình bày về ba Chi của thời gian trước, xong.

Tiếp sau là trình bày về chín Chi của thời gian giữa và sau, nhưng Luận bao gồm văn kết luận, tổng quát phân làm ba tiết: 1- Trình bày về Tự tướng; 2- Từ “Hữu sinh cố...” trở xuống là Đồng tướng; 3- Từ “Thị trung giai không...” trở xuống là tướng điên đảo.

Nói về Tự tướng, bởi vì thể trạng sai khác của các chi Danh-Sắc... hiện tại.

Nói về Đồng tướng, giải thích có hai nghĩa: a- Hai chi của vị lai cũng giống như hiện tại, bởi vì có Danh-Sắc; b- Dựa theo tướng của quả để hiển bày về lỗi lầm tai họa của duyên khởi, bao gồm tất cả phần vị của quả cho nên gọi là Đồng. Giống như Sắc... ngăn ngại... là Tự tướng, Khổ... là Cọng tướng. Cọng tức là Đồng. Vậy thì hiện tại cũng có Đồng tướng, vị lai không phải là không có Tự tướng, chỉ ẩn kín-ẩn bày mà thôi. Đây là giải thích thuận theo Luận. Luận nói: Hai là Đồng tướng, là bởi vì lỗi lầm của sinh-lão-bệnh-tử... Ba là điên đảo, Thể của duyên là trống rỗng, chấp có là điên đảo.

Tiết 1- Trình bày về Tự tướng, lại có ba loại: Một- Tướng của báo; Hai- Hai chữ Bất ly là tướng của nhân; Ba- Từ “Thử Danh sắc...” trở xuống là tướng theo thứ tự của quả ấy.

Một- Nói về tướng của báo, tức là Thức dị thực bắt đầu thọ sinh,

bởi vì Thể sinh ra cùng Danh-Sắc. Luận nói: Tướng của báo, là Danh-Sắc sinh ra cùng Thức A-lại-da, bởi vì ở đây hàm chứa một nửa chi Thức và toàn bộ chi Danh-Sắc. Nhiếp Luận nói: “Bổn thức có ba tướng: 1- Tự tướng, nghĩa là Tự Thể của Bổn thức; 2- Tướng của nhân, nghĩa là Thức ở chủng tử; 3- Tướng của quả, nghĩa là Thức dị thực.” Ý này trình bày gần bên nghĩa làm nhân gọi là Thức ở chủng tử, tức là dựa theo nhân trước đây; chi Thức gần bên nghĩa làm quả gọi là Thức dị thực, tức là tướng của báo này dựa vào Danh-Sắc. Nếu không hưởng về nhân quả mà nói thẳng vào Tự Thể, thì gọi là Tự tướng.

Nay Luận nói về tướng của nhân, lại là tướng của quả trong nhân ấy, thiết lập tên gọi tuy khác nhưng đều bao gồm nhân quả. Kinh nói ở trong ruộng của ba cõi, là nơi đã sinh ra. Sau trong Địa thứ sáu dựa theo phần vị của nhân mà nói, dùng Nghiệp làm ruộng, dùng Thức làm hạt giống. Nay bởi vì dựa theo phần vị của quả, cho nên dùng ba cõi làm ruộng, chúng sinh làm chủng tử của Thức.

Lại sinh ra mầm khổ, là nêu lên báo đã sinh ra, nhân của ba Chi trước nhất định phải dựa vào quả của khổ mà khởi lên, nay lại sinh ra khổ, cho nên gọi là Lại. Đây là hiển bày về nghĩa lần lượt chuyển tiếp không có tận cùng.

Từ “Sở vị...” trở xuống là đưa ra Thể-Tướng của mầm khổ. Luận nói: Danh-Sắc cùng sinh ra, bởi vì Danh-Sắc sinh ra cùng Thức ấy, nghĩa là Danh-Sắc sinh ra cùng Bổn thức ấy. Sợ rằng người ta sai lầm chọn lấy Danh cùng với Sắc giống nhau, cho nên có cách nói này: Danh gọi là bốn Uẩn phi sắc, Sắc gọi là Yết-la-lam... Hai loại này cùng với Thức dựa vào nhau mà tồn tại, giống như hai bó lau trở lại làm duyên cho nhau, luôn luôn mà chuyển chứ không rời bỏ nhau.

Hai- Không lìa xa là tướng của nhân, tức là hiển bày về Bổn thức làm nhân của Danh-Sắc, nghĩa là Danh-Sắc này không lìa xa Bổn thức ấy, bởi vì dựa vào Bổn thức ấy. Đã dựa vào cách giải thích này, thì biết chắc chắn tiết này có đủ hai Chi, đó là Thức và Danh-Sắc.

Ba- Tướng của quả ấy, quả của Danh-Sắc là tướng của báo ấy, do Danh-Sắc tăng trưởng mà thành tựu tám Chi còn lại, không phải là có riêng Thể khác: 1- Thành tựu sáu Xứ, Danh tăng lên thành tựu Ý xứ, Sắc tăng lên thành tựu năm Xứ còn lại. 2- Sáu Xứ tăng trưởng thành tựu Xúc. Nói trong đó, bởi vì có Căn-Cảnh ở trong sáu Xứ; nghĩa về nhân duyên còn lại mở rộng như Địa thứ sáu.

Trong tiết 2, là Đồng tướng: Sinh cho đến lão-tử, chính là hiển bày về Đồng tướng.

Từ “Như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận thành tựu về khổ. Nơi nào là khổ? Ở đây có ba lớp: a-Luận đem gộp vào trong Đồng tướng, là dùng sinh-lão tử-ưu bi-khổ nào, mà trình bày về Khổ tụ, bởi vì văn nghĩa rõ ràng. b-Kết luận gần đối với quả, Danh-Sắc cùng sinh ra, đây là trình bày về Khổ sinh ra, tám Chi còn lại là Khổ tăng trưởng. c- Kết luận xa đối với mười hai Chi, hai Chi rưỡi trước là chủ động sinh trưởng, chín Chi rưỡi sau là thụ động tăng trưởng.

Trong tiết 3, là tướng điên đảo: Nói trong đó, là trong mười hai duyên trước đây. Từ “Giai Không...” trở xuống là trình bày về nguyên cơ của điên đảo, bởi vì trống rỗng mà nói là có, cho nên gọi là điên đảo. Ở đây có bốn lớp: Một- Do duyên mà thành vốn là Vô tánh, cho nên nói là Không; Hai- Lìa xa Ngã-Ngã sở, giải thích thành tựu về nghĩa của Không, lìa xa Ngã là Nhân Không, lìa xa Sở là Pháp Không; Ba- Từ “Vô tri...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ Vô ngã; Bốn- Dùng sự vật bên ngoài để giải thích về không hiểu biết gì.

Bốn câu trong lớp thứ ba là bao gồm ngoại đạo và Tiểu thừa.

Câu đầu là dựa theo ngoại đạo. Ngoại đạo tuy đồng nhưng không ra ngoài hai bộ phái là Tăng Khư (Số Luận) và Vệ Thế (Thắng Luận). Bộ phái Tăng Khư nói về Giác lấy làm Thần tướng, bộ phái Vệ Thế nói về Tri lấy làm Thần tướng. Nay nói không có Tri-Giác, thành tựu Tự Thể trên vốn không có Ngã.

Hai câu về Tác-Thọ bao gồm chủ động-thụ động (Năng-sở), bởi vì chủ động làm ra-chủ động nhận lấy, thì thụ động làm ra-thụ động nhận lấy đối với Ngã tức là Ngã sở; ở nhân gọi là Tác, ở quả gọi là Thọ. Nay chỉ do duyên mà thành cho nên không có làm ra-nhận lấy.

Nếu dựa theo Tiểu thừa, dựa vào năm Uẩn mà nói, thì Thọ uẩn gọi là Giác, ba Uẩn còn lại gọi là Tri; dựa theo sáu Căn mà nói, thì Thân thức gọi là Giác, năm Thức còn lại gọi là Tri. Năm Ấm tạo nghiệp cho nên gọi là Tác giả, ngay nơi Ấm dẫn đến báo gọi là Thọ giả. Nay đều loại bỏ những điều đó.

Hiện có hiểu biết, vì sao nói là không có? Bởi vì tùy theo Tục đế cho nên có, dựa theo Chân đế cho nên không có. Lại tâm pháp có bốn: 1- Sự; 2- Pháp; 3- Lý; 4- Thật. Nghĩa là tùy theo cảnh mà phân biệt thấy-nghe-hiểu-biết, gọi đó là Sự. Nói về Thể chỉ là nhiều pháp sinh diệt, cho nên gọi là Pháp. Nói về tận cùng rỗng lặng, lấy đó làm Lý. Luận về tánh vốn có ấy, chỉ là pháp của Như Lai Tạng chân thật, cho nên gọi là Thật.

Nói trong bốn lớp này, thì lớp đầu tức là nói về tên gọi của Tri-

Giác...; nếu dựa vào ba lớp sau thì không có Tri..

Câu bốn từ “Như thảo...” trở xuống là dùng Dụ về sự vật bên ngoài, để giải thích về không có Tri-Giác... Bởi vì thấy các chúng sinh hiện tại có di chuyển-đứng yên-chuyện trò nói năng, vì sao nói là không có Tri-Giác...? Bởi vì cỏ cây thì lay động, tường đá không lay động, đều không có Tri-Giác, di chuyển-đứng yên bên trong lẽ nào là có hay sao? Kinh Tịnh Danh nói: “Thân này không có nhận biết, giống như cỏ cây gạch đá.”

Nói về cũng như hình ảnh, là hiển bày thuận theo duyên có, tương tự mà không phải là chân thật, tức là cùng dụ cho hai Đố. Nếu dựa theo Luận về Kinh thì không có dụ về hình ảnh, mà có như tiếng vang, có thể dụ cho ngôn từ-âm thanh mà không có Tri-Giác.

Đoạn 3: Từ “Nhiên chư chúng sinh...” trở xuống là quán sát về hai loại điên đảo ấy: Khổ đau hư vọng vốn là trống rỗng, mang lấy mà không nhận ra; niềm vui chân thật vốn là có, mất đi mà không biết rõ; nhưng xa rời niềm vui-dựa vào khổ đau, gọi là hai loại điên đảo.

Trên đây là ba Quán làm phương tiện, xong.

Mục sau từ “Bồ-tát kiến chư chúng sinh...” trở xuống là chính thức khởi lên Từ-Bi: 1- Trình bày về phát khởi tâm Bi, nghĩa là thấy khổ đau cần phải cứu giúp; 2- Từ “Phục tác...” trở xuống là phát khởi tâm Từ, nghĩa là không có niềm vui cần phải trao cho. Đã nói đầy đủ khổ đau cho nên biết nhất định không có niềm vui.

Mục ba- Hạnh Bồ thí, văn có ba: 1- Tổng quát trình bày về thực hành bố thí; 2- Riêng biệt hiển bày về vật dụng bố thí; 3- Tổng quát kết luận về Hạnh thành tựu.

Mục 1, văn có năm câu: Một- Trình bày về chỗ dựa của bố thí, bởi vì thấy có khổ đau mà không có niềm vui. Hai- Từ “Dĩ thâm trọng...” trở xuống là làm sáng tỏ về phần vị của bố thí, bởi vì Địa này đạt được viên mãn về Bồ thí Độ, hợp với Lý gọi là sâu, không rời bỏ Bi nguyện là nặng, tâm này trú vào Địa cho nên có thể đầy đủ Bồ thí Độ. Ba- Từ “Ưu nhất thiết...” trở xuống là trình bày về Thể tướng của bố thí. Bốn- Mong cầu Đại Trí của Phật, hiển bày những việc làm của bố thí. Năm- Tu hạnh Đại Xả, kết luận về tên gọi của Hạnh Thí.

Mục 2, từ “Phàm sở hữu...” trở xuống là riêng biệt trình bày về vật dụng bố thí, chỉ hiển bày về tất cả không hề tiếc rẻ ở văn trên, trong đó: Đầu là tổng quát, sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt. Riêng biệt hiển bày về tất cả, tóm lược có hai loại: a- Tài sản bên ngoài; b- Tài sản bên trong, nghĩa là đầu-mắt..., văn hiển bày có thể biết.

Mục 3, từ “Vị cầu...” trở xuống là tổng quát kết luận về Hạnh thành tựu: Đầu là kết luận về những việc làm; sau từ “Thị danh...” trở xuống là chính thức kết luận về Hạnh thành tựu. Nhưng trong Địa thứ nhất cần phải đầy đủ ba loại Bồ thí, thuận theo tăng thêm thù thắng mà nói cho nên chỉ nêu ra Tài thí. Luận Bát Nhã nói trong Địa thứ hai-thứ ba mới thực hành Vô úy thí, Địa thứ tư trở lên mới thực hành Pháp thí.

Trong mục bốn- Hạnh không hề mệt mỗi chán nản, phân ba: 1- Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; 2- Từ “Chuyển cánh...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng của Hạnh; 3- Từ “Tức đắc...” trở xuống là kết luận về Hạnh thành tựu.

Trong năm Hạnh sau, chỉ trừ ra Hạnh thứ mười là có hiển bày về tướng, tức là kết luận về tên gọi, các Hạnh còn lại đều có đủ ba mục, ở văn có thể thấy.

Mục năm- Từ “Đắc vô bì...” trở xuống là thành tựu Hạnh của Trí nhận biết về Kinh-Luận.

Mục sáu- Từ “Hoạch thị Trí...” trở xuống là thành tựu Hạnh của Trí thế gian. Nói: Tùy theo thích hợp, là tùy theo căn cơ thích hợp, nên dùng pháp gì? Tùy theo năng lực, là tùy theo khả năng thuộc Trí lực của mình, tùy theo khả năng thuộc Trí lực của người. Tùy theo những thói quen của họ, là dựa theo việc làm hiện tại của căn cơ, Luận giải thích là Tùy theo thích hợp. Nói như Luận giải thích, tức là phẩm Bồ Đề Phần của Bồ-tát Địa trong luận Du Già.

Mục bảy- Từ “Thành thế Trí...” trở xuống là trình bày về Hạnh Tàm quý. Từ “Tri thời...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng của Hạnh. Thời có ba loại: 1- Thời gian thuộc về niệm, trong thời gian như vậy nên tu Định..., vì vậy sát-na không gián đoạn. 2- Thời gian thuộc về ngày đêm, ngày thì giữ lấy tâm, vì vậy đầu-giữa và cuối đêm đều dừng bỏ phế. 3- Thời gian thuộc về những gì đã đạt được nhất định không gián đoạn. Đây tức là sự lường tính của Trí, nghĩa là tùy theo năng lực của mình có thể, cũng yêu thích-cũng thúc đẩy, đừng khiến cho quá mức mà về sau ngừng bỏ. Dùng ba thời gian này, tu tập về hành Tự lợi-Lợi tha của tám Hạnh trước đây, con rắn ngủ phiền não ngày đêm không lẫn lộn, mà tự trang nghiêm bằng y phục hổ thẹn.

Mục tám- Từ “Ưu thử Hạnh trung...” trở xuống là thành tựu về Lực kiên cố, nghĩa là Lực này ngay trong hành Tự lợi-Lợi tha thuộc về hổ thẹn trước đây, mong cầu giải thoát sớm thì cần phải chịu khó tinh tiến, Tự phần không lui sụt, Thắng tiến không thay đổi.

Mục chín- Từ “Đắc kiên cố...” trở xuống là trình bày về Hạnh

cúng dường chư Phật, đầy đủ hai loại cúng dường là Lợi dưỡng và Chánh hạnh.

Phần 3: Từ “Phật tử, Bồ-tát như thị...” trở xuống là kết luận về Thế-Dụng của mười tên gọi: Trước là kết luận về Thế-Dụng; sau từ “Sở vị...” trở xuống là kết luận về tên gọi.

Nói về Thế-Dụng, mười Hạnh này tức là pháp thanh tịnh của các Địa, bởi vì đối trị mười chướng, chướng nói như trước.

Nhưng phần An trú vào Địa có ba mươi câu, cũng trình bày về Tín-Từ-Bi..., cùng với phần có gì khác nhau? Luận nói: Trước là pháp thanh tịnh của Địa, nay tất cả là pháp làm thanh tịnh chướng ngại của Địa. Văn câu trước tóm lược, nếu đầy đủ thì nên nói: Trước là thanh tịnh, bởi vì pháp của Địa này hạn chế ở Địa thứ nhất, nay tất cả là pháp làm thanh tịnh chướng ngại của Địa, nghĩa là không hạn chế ở Địa thứ nhất, cho nên nói Tất cả là, bởi vì tất cả làm thanh tịnh chướng ngại của các Địa. Vì vậy Kinh nói: Pháp làm thanh tịnh các Địa. Luận Du Già cũng nói: “Mười loại pháp này, ở tất cả các Địa có thể tu tập đối trị làm cho thanh tịnh.” Trong các Địa sau đều nói là Tín... đều chuyển sang thanh tịnh...

Phần ba: Từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử Hoan Hỷ...” trở xuống là so sánh thù thắng về lợi ích của Quả.

Có bốn loại Quả: 1- Quả Điều Nhu; 2- Quả Phát Thú; 3- Quả Nhiếp Báo; 4- Quả Nguyện Trí. Giải thích về bốn Quả này, tóm lược đưa ra bốn môn.

Môn thứ nhất, là giải thích tên gọi, tổng quát gọi là Quả bởi vì đầy đủ trong Địa. Riêng biệt mà nói:

1- Điều Nhu, nghĩa là điều hòa luyện tập mềm mại thuần thực, bởi vì cúng dường-thâu nhiếp-giáo hóa... là chủ động điều hòa, luyện tập mười Hạnh như Tín... là thụ động điều hòa. Luyện tập nhờ vào thực hành cúng dường... khiến cho Tín... điều hòa mềm mại, tùy ý có thể sử dụng cho nên gọi là Điều Nhu. Dụ về luyện vàng ở văn sau, nghĩa ấy rất rõ ràng.

2- Phát Thú, Phát nghĩa là phát khởi tiến lên, Thú nghĩa là luôn luôn hướng về. Ở trong Địa đầy đủ lại mong cầu hiểu biết rõ ràng, là chủ động Phát Thú. Phát khởi từ Địa này luôn luôn hướng về những Địa sau, là thụ động Phát Thú. Dụ về chủ buôn ở văn sau, nghĩa rất tương tự.

3- Nhiếp Báo, nghĩa là thân ở ngôi Vương, đáp lại nhân gọi là Báo, nhân thành tựu dung nạp quả, cho nên gọi là Nhiếp.

4- Nguyên Trí, nghĩa là bên trong chứng đạt Nguyên lực, Giáo-Trí tự tại, lại dùng Nguyên lực giúp đỡ Trí khiến cho thành tựu nghiệp dụng vô biên.

Môn thứ hai, là trình bày về phạm vi giới hạn, hai quả đầu là Hạnh ấy tu tập về phương tiện, hai quả sau là Báo của Hạnh ấy thuần thực. Hạnh tu tập chỉ thuộc về Địa đầy đủ, Báo của Hạnh bao gồm từ đầu đến cuối. Từ lúc bắt đầu trú vào Địa cho đến Địa đầy đủ, đã nhận lấy thân Vương nói là Nhiếp Báo, vốn có tác dụng nói là Nguyên Trí. Lại hai quả đầu-một quả sau thì Địa này nhất định là có, một quả Nhiếp Báo thì không nhất định là có hay không có, có lẽ có mà không tác dụng cho nên nói là nhiều tác dụng, mà nhất định có thể tác dụng cho nên cũng nhất định là có. Lại hai quả đầu cũng là pháp của Địa, đầu là Hạnh-tiếp là Giải, là bởi vì đã tu tập; hai quả sau chỉ là quả chứ không phải là pháp, đầu là Thể-sau là Dụng, bởi vì không phải là đã tu tập. Vì vậy trải qua hai quả sau, đã có văn kết luận nói rằng: Sơ lược thuyết giảng về pháp môn của Địa thứ nhất. Ý này không thích hợp, bởi vì tựa như người soạn luận nhầm lẫn chọn lấy pháp môn để làm tên gọi của quả.

Môn thứ ba, là phân rõ về nối thông và hạn chế: Quả Phát Thù thì vẫn hạn chế ở Địa thứ nhất, bởi vì bắt đầu thuộc về Địa này; nghĩa nối thông với mười Địa, bởi vì bao gồm giải thích về mười Địa. Nghĩa của ba quả còn lại, hạn chế ở Địa thứ nhất bởi vì Báo... khác nhau; vẫn nối thông với mười Địa, bởi vì từng Địa-từng Địa đều có.

Môn thứ tư, là giải thích văn, bốn quả tức là bốn mục riêng biệt.

Mục một- Quả Điều Nhu, phân ba, đó là Pháp-Dụ và Hợp. Trong Pháp, phân bốn: 1- Được thấy Phật là duyên luyện tập về Hạnh; 2- Từ “Tất dĩ...” trở xuống là Thể của Hạnh đã luyện tập; 3- Từ “Dĩ tiên nhi...” trở xuống là tướng thuộc Hạnh riêng biệt của Địa; 4- Từ “Thị Bồ-tát tùy sở...” trở xuống là Hạnh luyện tập thành thực.

Trong tiết 1: Trước là tổng quát trình bày, sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong tổng quát: Bởi vì lực của Đại Nguyên là được thấy Phật, cho nên lực của nhân bao gồm Thân lực. Phẩm Trú ở luận Du Già nói có hai nhân được thấy Phật: 1- Nguyên; 2- Lực. Luận về Kinh đầy đủ hai loại. Luận nói: Dùng lực của Thân thông thù thắng thấy được Sắc thân của Phật, dùng lực của Chánh Nguyên thấy được Pháp thân của Phật. Luận Du Già nói Chánh Nguyên được sinh trong quốc độ Thọ dụng, luôn luôn được thấy Phật. Nay nói Pháp thân, tức là Pháp thân công đức.

Trong riêng biệt nói: Được thấy nhiều trăm vị Phật..., Luận nói: Phương tiện thiện xảo mà thị hiện nhiều Phật. Thiện xảo này có hai: 1- Không nói thẳng là vô lượng, mà khéo léo nói ra từng số như trăm-ngàn..., làm phương tiện hiển bày về nhiều. 2- Nói nhiều trăm, là nhiều lần trăm, nhiều lần ngàn... cũng như vậy, là bởi vì trong một số đã thấu nhiếp nhiều số, cho nên gọi là thiện xảo. Lý thật thì tiến vào vô lượng thế giới trong Hoa Tạng, thấy được vô lượng thân (Thân vân) của pháp giới.

Trong tiết 2, là Thể của Hạnh đã luyện tập, từ Hạnh mà tiến vào Hạnh, cho nên gọi là luyện tập, như vàng đưa vào lửa. Nhưng có ba loại tiến vào (Nhập) thì phân làm ba: Một- Tiến vào công đức, tức là Hạnh cúng dường Phật, loại trừ cấu uế của phước mỏng, cũng bao gồm cúng dường Tăng. Hai- Từ “Dĩ thử thiện...” trở xuống là tiến vào quả Vô thượng, tức là Hạnh hồi hướng, loại trừ cấu uế của thấp kém; Luận là loại thứ ba, bởi vì ý trình bày bao gồm hồi hướng hai Hạnh. Ba- Từ “Phật tử, thử Bồ-tát...” trở xuống là tiến vào tâm Đại Bi, tức là Hạnh làm lợi ích chúng sinh, loại trừ cấu uế của lười nhác.

Trong tiết 3, là tướng thuộc Hạnh riêng biệt của Địa:

Một- Dựa theo bốn Nhiếp. Nhưng bốn Nhiếp, hưởng về trước hãy còn là pháp lợi ích cho chúng sinh, hưởng về sau là tướng thuộc Hạnh riêng biệt của Địa, bởi vì nhờ vào phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh. Ở đây trình bày chính là phần sau thuộc về Hạnh luyện tập trong Địa thứ hai. Thành tựu bốn Nhiếp sau, tuy không đầy đủ toàn bộ về Hạnh riêng biệt của Địa, nhưng bởi vì là pháp hóa độ chúng sinh, cho nên sử dụng mà thôi. Ái ngữ là Pháp thí, Địa thứ nhất đầy đủ về bố thí, cho nên nói là hai Hạnh tăng thêm.

Hai- Dựa theo mười Độ. Nhưng tướng của Chứng khó phân biệt, phải nương vào mười Độ..., bởi vì hiển bày về sai biệt, cho đều nói tăng thêm một Độ. Nếu không như vậy, thì sao không nói Địa thứ hai tăng thêm hai Độ? Bởi vì Bố thí Độ thì Địa thứ nhất trước đây đã tăng thêm. Cho đến Địa thứ chín phải nói là tăng thêm chín Độ, nhưng Địa thứ chín hãy còn nói tất cả Độ khác đều tu tập tùy theo lực-tùy theo phần, hiển bày nương vào rõ ràng rồi.

Vì vậy luận đầy đủ về Hạnh của các Địa, tóm lược có năm nghĩa:

1- đều nói tăng thêm một Độ, là bởi vì Địa riêng biệt, như ở văn này.
2- Phân rõ về thù thắng vượt qua, bởi vì trước đây Địa thứ nhất là thù thắng về Bố thí, Địa thứ hai là thù thắng về hai Độ; văn trong Địa thứ hai nói: Bởi vì xa lìa cấu nhiễm của bủn xỉn-ganh ghét và phá giới, cho

đến Địa thứ mười thì mười Độ đều thù thắng, vậy thì những Địa sau đều thù thắng vượt qua những Địa trước. 3- Luận về Hạnh chân thật ấy, thì từng Địa-từng Địa tu tập đầy đủ. 4- Chứng lý bình đẳng, không phải là nhiều-không phải là một. 5- Dựa theo Viên dung thì một đầy đủ tất cả.

Trong tiết 4, là Hạnh đã luyện tập thành thực, tổng quát thu nhận về ba loại tiến vào (Nhập): Một-Nhắc lại cúng dường chư Phật và hóa độ chúng sinh, dùng làm chủ động luyện tập. Hai-Pháp thanh tịnh như Tín... dùng làm thụ động luyện tập. Ba-Nêu ra chủ động luyện tập hồi hướng trước đây, khiến cho Tín... thanh tịnh.

Nói về Chuyển chuyển, là Tín... này, ở trong Địa thứ nhất có ba tiết, Tịnh nghĩa là lúc bắt đầu trú vào Địa, chứng được Tu thuộc về Duyên trước đây, khiến cho thành tựu Tu thuộc về Chân, đã là một Tịnh; trong phần so sánh hai Hạnh, là pháp đối trị trừ bỏ chướng ngại, lại thêm một Độ về Tịnh. Nay sau Địa này lại trải qua ba Tu, cho nên nói là Chuyển chuyển.

Trong Dụ: Thợ vàng dụ cho Bồ-tát, Vàng dụ cho Tín..., Lửa dụ cho ba Hạnh như cúng dường... Ba Hạnh không phải là một, gọi là nhiều lần tiến vào. Quả Điều Nhu thành tựu dụ cho Hạnh luyện tập thành tựu.

Tánh của vàng vốn có thuận theo duyên mới hiển bày, Tín... do Tu mà phát sinh vì sao Dụ giống nhau? Tín... có hai: 1- Trước lúc chưa Chứng Chân, chỉ dựa theo Tu thuộc về Duyên, là Hạnh đối trị, lấy Vọng Thức làm Thể; 2- Sau khi Chứng Chân, mới biết Tín... không phải là bây giờ mới có, tức là hằng sa pháp Phật trong Như Lai Tạng, lấy Chân Tâm làm Thể. Chân Tâm làm Thể tức là Tánh thuộc về Lý, tướng của Tín... khác nhau nói là Tánh thuộc về Hạnh. Hai loại này không hai, đều có thể dụ cho Vàng. Tuy nhờ vào Tu thuộc về Duyên như cúng dường..., mà thành tựu về đức Chân thật; đức do Chân thật khởi lên, sau thành tựu vật dụng để trang nghiêm, cũng không khác với Vàng.

Đã hiểu rõ về Chân, Chân không phải ở ngoài Vọng, cho nên toàn bộ Vọng Thức tức là Chân Tâm. Nướng vào tướng để hiển bày Chân, cho nên phân ra chủ động-thụ động.

Trong Pháp-Hợp, dựa theo Dụ có thể biết.

Mục hai- Quả Phát Thú, có hai: Trước là chính thức trình bày về quả Phát Thú; sau từ “Phật tử, thị danh...” trở xuống là tổng quát kết luận về tướng của Địa.

Trong mục trước, có bốn: 1- Pháp; 2- Dụ; 3- Hợp; 4- Kết luận.

Trong mục 1, về Pháp, có bốn: a- Thưa hỏi; b- Nhận biết; c- Thực hành; d- Đến nơi.

Nhận biết là hiểu biết rõ ràng, đích thực có thể phát khởi hương về. Nhưng nhờ vào thưa hỏi mà nhận biết, cho nên trước phải nói đến thưa hỏi, ý nhận biết thuộc về thực hành, thực hành thì nhất định có thể đến được.

Tiết a- Trong thưa hỏi, thưa hỏi đầy đủ về các Địa. Địa thứ nhất đã đầy đủ mà lại thưa hỏi: Một- Thưa hỏi về Thắng tiến, không phải thưa hỏi về Tự phần. Hai- Trong một Địa, thâm nhiếp đầy đủ công đức của tất cả các Địa, cho nên thưa hỏi về có thể thâm nhiếp những gì? Chưa biết trong đó, thế nào là Tướng và Đắc-Quả? Tướng, tức là tùy theo tất cả các chương và tướng đối trị trong các Địa, nghĩa là tướng thuộc về chủ động-thụ động quán sát của các Địa, bởi vì mười Địa đều khác nhau. Đắc, tức là chính thức chứng được Trí xuất thế gian. Quả, là nhờ vào lực của Chứng Trí, mà đạt được Trí thế gian và xuất thế gian. Tướng tức là Trí phương tiện, Đắc là Trí Căn bản, Quả tức là Trí Hậu đắc. Trí Hậu đắc duyên với Tục đế cho nên gọi là thế gian, không có phân biệt cho nên lại gọi là xuất thế gian.

Lại ba Trí này tức là ba đạo, một là đạo Vô gián cùng với phiền não trái ngược nhau, hai là đạo Giải thoát đích thực Chứng đạt vô vi, ba là đạo Thắng tiến thuộc về Trí Hậu đắc tiến tới tu tập.

Không nói về Gia hạnh, bởi vì Gia hạnh của Địa tiền không phải là Địa thâm nhiếp, Gia hạnh của Địa thượng thâm nhiếp ở Thắng tiến.

Nói bởi vì muốn thành tựu pháp của Địa này, là pháp của Địa hiện tại. Sau nói pháp của Địa ấy, là pháp của Địa sau. Nếu dựa theo ý của Luận, thì thành tựu pháp của Địa tức là Tín...

Tiết b- Từ “Thị Bồ-tát thiện tri...” trở xuống là trình bày về nhận biết, nhờ vào thưa hỏi mà nhận biết, nhận biết không khác với thưa hỏi, trong Kinh mở rộng về thưa hỏi, Tướng và Đắc-Quả dùng làm mười câu, Luận thâm nhiếp mười câu làm năm phương tiện.

Nói về phương tiện, là thực hành tu tập khéo léo.

Một- Phương tiện thuộc về Quán. Quán nghĩa là quán sát hiểu rõ, thâm nhiếp hai câu đầu: 1- Đối trị chương của các Địa, bởi vì quán sát hiểu rõ có thể đối trị để đối trị mười loại chương. Thiết lập về mười Địa, văn đầy đủ ở bản riêng biệt (Biệt bản). Đây là dựa theo chương đã đoạn trừ để trình bày về Quán. 2- Thành và Hoại của Địa, thu nhận về hành thành tựu phần vị, tích tập cho nên gọi là Thành; các hành đều trú vào-tản ra, cho nên gọi là Hoại. Đây là dựa theo pháp đã nhận biết để trình bày về Quán.

Hai- Phương tiện thuộc về Đắc. Đắc nghĩa là chứng nhập, thâm

nhập ba câu tiếp, có ba loại phương tiện: 1-Tướng quả, tức là muốn tiến vào phương tiện, thì Trí phương tiện dẫn dắt tướng quán sát đến cuối cùng, cho nên gọi là Tướng quả. 2- Đắc tu, đã tiến vào phương tiện tức là Trí Căn bản, hiển bày chính là Tu thuộc về Chứng, bởi vì không phải là Tu thuộc về Duyên. 3- Phương tiện thuộc về Thắng tiến, tức là Trí Hậu đắc, nghĩa là pháp thành tựu của Địa như Tín..., lia xa chướng mà thanh tịnh.

Ba- Phương tiện thuộc về Tăng thượng, tiến tới tu tập về pháp của phần vị sau, cho nên gọi là Tăng thượng, cũng thâm nhập ba câu: 1- Hành thuộc về chuyển chuyển của Địa, là dựa vào Địa trước phát khởi Địa sau, bởi vì trái với Địa rời bỏ nhau. 2- Hai chấp gọi là Phi xứ, hai Không là Trú xứ, cũng là tương ứng-không tương ứng. 3- Khéo léo tăng trưởng bởi vì Địa sau hơn hẳn Địa trước, gọi là Trí thù thắng.

Bốn- Phương tiện thuộc về không thối chuyển, chỉ riêng câu thứ chín, bởi vì ba phương tiện trước không có lui sụt ngừng bỏ.

Năm- Phương tiện thuộc về đạt đến tận cùng, tức là câu thứ mười, bởi vì đối trị làm thanh tịnh tận cùng Bồ-tát Địa, chuyển đến Địa của Trí Phật.

Nếu dùng Tướng... để thâm nhập năm phương tiện, thì: Một là Tướng; Hai- Đây đủ ba loại, như thứ tự ba câu phối hợp với Tướng-Đắc-Quả; Ba- Chỉ là Quả; Bốn-Tổng quát trình bày về ba sự việc không lui sụt; Năm- Nối thông trình bày về ba nhân cuối cùng tiến vào quả.

Nếu thâm nhập mười câu thì ba câu đầu là Tướng, câu bốn là Đắc, bốn câu tiếp là Quả, hai câu sau đầy đủ ba loại.

Tiết c- Từ “Phật tử...” trở xuống là thực hành.

Tiết d- Từ “Do thử...” trở xuống là đến nơi. Hai tiết này đều có thể biết.

Trong mục 2, là Dụ: Một- Dụ cho thưa hỏi trước đây, có hai phương tiện: a- Phương tiện không mê lạc, giữa đường là dụ cho nhân của Hạnh, dừng lại là dụ cho đạt được Địa, đều có chướng ngại và đối trị, cho nên nói là an-nguy; b- Phương tiện cung cấp vật dụng, đầy đủ tư lương (hành trang) cho nên không mê lạc, phần nhiều dựa theo Lợi tha, cung cấp vật dụng phần nhiều trình bày về Tự lợi. Hai- Từ “Phật tử, bĩ Đại...” trở xuống là dụ cho nhận biết. Ba- Từ “Thiện dĩ...” trở xuống là dụ cho thực hành. Bốn- Từ “Nãi chí...” trở xuống là dụ cho đến nơi. Trong dụ cho thực hành là nói tóm lược, cho nên nói là Cho đến.

Trong mục 3 là Hợp: Đầu là kết hợp về nhận biết; tiếp từ “Nhiên hậu...” trở xuống là kết hợp về thực hành; sau từ “An ẩn...” trở xuống là

kết hợp về đến nơi. Trong dụ tóm lược về thực hành, trong này tóm lược về thừa hỏi, là muốn phỏng theo hiển bày mà thôi.

Mục 4, từ “Thị cố Bồ-tát...” trở xuống là kết luận để khuyến khích, có thể biết.

Mục sau- Từ “Phật tử, thị danh...” trở xuống là tổng quát kết luận về tướng của Địa, Hạnh tu tập đã xong, cho nên kết luận ở đây. Phạm vi giới hạn của phần Thuyết giảng trước đây sâu xa cho nên thuyết giảng một phần, trong này mở rộng cho nên thuyết giảng vốn không hết được.

